Năm thứ nhất, Số 9 Thứ sáu 1er Août 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Lạc-vương, chứ không phải Hùng-vương — *Nguyễn-văn-Tố*
Một nhà dật-sĩ cuối Lê — *Trần-văn-Giáp*
Lũy Đồng-hới — *Nhật-Nham*
Mạn-hòe (Manuel) — *Nguyễn-Triệu*
Một chuyện tù xồng — *Tiên-Đàm*
Hãy đốt những sách khiêu dâm — *Phạm-mạnh-Phan*
Nữ thi-sĩ 11 tuổi — *Lê-Thanh*
Văn Tản-Đà — *Thùy-Thiên*
Một vài kiến-giải về từ-ngữ-học — *Hoa-Bằng*
Phê-bình bản dịch « Đại-học, Trung-dung » — *H. B.*
Thuộc địa ở dưới quyền ủy nhiệm — *Nhật Nham*
Tiểu thuyết Bà Quận Mỹ — *Chu Thiên*
vân vân . . .

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 – 6 tháng 2$80 – 3 tháng 1$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số nhà 349, phố Huế — Hanoi

Theo thuyết «chính danh»

Một vài kiến-giải về từ-ngữ-học

THEO thuyết «chính danh», hễ danh có chính thì lời nói mới thuận. Vậy, cái gì đã không chính về danh, le tất nhiên không thuận về lời nói.

Từ khi tiếp xúc với tây-phương, trong ngôn-ngữ văn-tự việt-nam, người ta phải «chế» ra nhiều danh-từ mới để ứng-phó với hoàn-cảnh và cung-cấp cho sự nhu cầu.

Ban đầu, phần vì bơ-ngỡ lạ-lùng trước những cái mới mẻ, phần vì nhiều nhà thông-dịch thời xưa chưa phải là những tay chuyên-môn về từ-ngữ-học, nên trong khi hấp-tấp, họ đã dịch đại nhiều tiếng ngoại-quốc ra việt-ngữ để cho xong chuyện một lúc bấy giờ. Chẳng dè một khi tiếng mới ấy đã bị dịch liều ra, nhiều người đương-thời dùng theo, lâu ngày thành quen, kẻ sau dẫu biết rằng nó không đúng nhưng khó lòng sửa chữa lại được, vì nó đã được dùng quen và phổ-thông rồi. Ta thấy như :

Gouverneur général, dịch là *toàn quyền* ;

Secretaire général du Gouvernement, dịch là *phó toàn quyền* ;

Ingénieur, dịch là *bác-vật* (trong Nam thường dùng), v v.

Đó là những tiếng dịch khong đúng nghĩa chữ pháp. Nhưng vì lâu ngày thông dụng, nên đến nay vẫn cứ phải dùng.

Những tiếng ấy thuộc loại «không đung nghĩa nhưng đã phổ thông» cũng như những tiếng *lịch-sử*, *văn-tự*, *tử-tế*... tuy ung-dụng khác hẳn nghĩa chính của chữ hán, song nay đã quen, nên không cần và cũng không thể sửa lại được nữa.

◆

Gần nay, vì hán-học suy tàn, nên lắm tiếng chữ nho bị nhiều người dùng sai, viết trật ! Đại khái :

Kiêu-hãnh chính nghĩa là *hú-họa ưa may*, nhưng bây giờ người ta gán cho nó cái nghĩa là *kiêu-kỳ*.

Khoái-trá, nguyên nghĩa đen là *gỏi chả*, dùng ra nghĩa bóng là *thơm ngon*, như khi xem một bài văn hay, nói là bài ấy làm *khoái-trá* miệng người đọc. Vậy mà bây giờ người ta dùng sai hẳn đi : giống nghĩa chữ *khoai-lạc*.

Ly-tao, như trong số 4 trang 2 đã cắt nghĩa, chỉ là *mắc sự lo buồn*. Vì Khuất-Nguyên mắc lo buồn, nên mới cảm-khái, làm thiên Ly-tao để tỏ chí khí và hoài bão. Vậy mà mấy ông «thi-sĩ dậy non» cứ ép « ly-tao » phải làm «nàng thơ» mãi !

Viết đến đây, tôi sực nhớ chuyện một ông bạn chỉ vì quá trung-thành với thuyết «chính danh» đến nỗi phải ra lệnh «trục xuất» một người có việc giao-thiệp với mình, vì người ấy nói : «Tôi đã *muc-đích* cái mandat ấy ».

Nếu ai cũng như ông bạn trên đây, cứ thẳng-thắn đối với những người dùng lầm chữ, trật tiếng như thế, thì trong một thời-gian ngắn, chúng ta có thể tẩy sạch được những vết lấm trên trang từ ngữ-học nước nhà.

Xin nhớ : Ý tôi chỉ muốn sửa lại những tiếng gần nay dùng sai *tuy hiện hành nhưng chưa phổ-thông*, chứ những tiếng đã «an-nam hóa», đã thành những danh-từ hiểu theo nghĩa riêng của xứ-sở, thì ta cứ việc dung hết để tỏ cái đặc-tính của Đại-Nam ta. Cử lệ : Cùng là chữ «trân-trọng», người Tàu hiểu là «bảo trọng» (như trong thư họ viết : «Vạn thiên trân trọng», nghĩa là muôn vàn xin gìn-giữ thận-trọng cho được mạnh khỏe), nhưng ta hiểu nghĩa là *trịnh-trọng* (trân-trọng cám ơn) : thế cũng chẳng sao. (*Trân-trọng*, theo Tàu, cũng còn có nghĩa là *qui trọng* nữa.

●

Bạn Lê Thanh có đề-nghị với chúng tôi, nên sửa lại những danh-từ mới dịch chưa được sát nghĩa hoặc chưa bao-gồm được hết ý nguyên-văn chữ pháp, ví-dụ như :

Grammaire, nên dịch là *ngữ-phạm* (còn chữ *văn-pháp* thì để dịch chữ *syntaxe*).

Conséquence, nên dịch là *quả-nhiên*, chứ đừng dịch là *kết-quả*, vì hai tiếng «kết-quả» *trơn* không có ý «tự-nhiên».

Tán đồng ! Tôi tưởng ta cần phải sửa lại những tiếng đại-khái như thế để, một ngay kia, việt-ngữ của chúng ta có thể bước vào cõi toàn thiện, toàn mỹ. Đó vì trình-tự tiến-hóa của văn-học nước nhà sẽ dẫy chúng ta đến chỗ cần phải làm ấy.

Trước chúng tôi, bác-sĩ Hồ-Thích đã làm công việc sửa lại những chữ Tàu dịch không đúng với văn tây, như :

Scholasticisme, Hồ dịch lại là *kinh-viện triết-học*, thay cho tiếng cũ đã dịch là *phiền-tỏa triết-học*, vì Hồ cho rằng dịch như cũ cực không thông (1).

Viết bài này, chúng tôi chỉ cốt bày-tỏ đôi chút kiến giải về từ ngữ học. Vậy xin chất chính cùng các bậc cao minh.

HOA-BẰNG

(1) Coi Trung Quốc triết học sử đại cương, quyển trên, trang 9 của Hồ-Thích

Lạc-vương, chứ không phải Hùng-vương

Ứng-Hòe Nguyễn-văn-Tố

TA có câu tục-ngữ : « Con rồng, cháu tiên » và « Con Hồng, cháu Lạc ».

Hồng là Hồng-bàng, họ thủy-tổ nước ta, làm vua tự năm 2879 (?) đến năm 258 (?) trước kỷ-nguyên. Vua thứ nhất là Kinh-dương vương, vua thứ hai là Lạc-long quân, vua thứ ba là Hùng vương.

Hùng vương đóng đô ở Phong-châu (vùng Vĩnh-yên,...Sơn-tây), đặt quốc-hiệu là Văn-lang, chia nước làm 15 bộ, gọi con trai là « quan lang » (bây giờ là chức tù-trưởng ở một bộ-lạc xứ Mường), con gái là « mị-nương» Cả thảy 18 ông :

« *Trước sau đều gọi Hùng vương,*
« *Vua thường nối hiệu, quan thường nối tên,*
« *Lạc-hầu là tướng điều-nguyên.*
« *Vũ là Lạc-tướng, giữ quyền quân-cơ.*
« *Đặt quan bố-chánh hữu-tư,*
« *Chức danh một bực, đẳng-uy một loài...* »

(*Đại-Nam quốc-sử diễn-ca,* bản chữ nôm, trang 2 b).

Có phải tại câu « trước sau đều gọi Hùng vương » mà quyển *Việt-Nam tự-điển* (trang 252) của Hội Khai-trí tiến-đức chua « Hùng-vương » là « tên hiệu *các vua đời Hồng-bàng* » không ? Dù thế nào chăng nữa, cũng phải chữa lại cho đúng, vì đời Hồng-bàng không những có 18 vua Hùng, lại còn có vua Kinh-dương và vua Lạc-long, như trên kia đã nói.

Đến cả chữ *Hùng* cũng phải cảichính, vì sử cũ của ta và của Tàu không hề chép *Hùng-vương*, chỉ chép *Lạc-vương*. Như quyển *An-nam chí lược*, soạn vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 13 hay đầu thế-kỷ thứ 14 có dẫn một đoạn sách cũ, là quyển *Giao-chỉ thành ký* như sau này : « Xưa lúc chưa có quận huyện, tháo nước vào ruộng, theo nước triều lên xuống (nghĩa là lúc nước lên thì thôi, lúc nước xuống thì làm). Làm ruộng là Lạc dân, trị dân là Lạc-vương, giúp vua là Lạc-tướng, đều ấn đồng dải xanh ». Nguyên-văn chữ nho là : « Tích vị hữu quận huyện thời, quán điền tùy triều thủy thướng há. Khẩn kỳ điền giả vi Lạc-dân, thống kỳ dân giả vi Lạc-vương 雒王, Pho vương giả vi Lạc-tướng, dai đồng ấn thanh thu » (Quyển một trang 5 b)

Như thế là *Lac-vương* chứ không phải *Hùng vương*,

Thế *Hùng-vương* xuất xứ ở đâu ?

Một ông giáo ở Trường Bac cổ, tên là Henri Maspero, có tìm thấy điển-tích trong quyển *Nam-Việt chí* là quyển của người Tau lam ra tự thế-kỷ thứ năm sau kỷ-nguyên Trong quyển đó đều viết là Hùng-vương 雄王. Sau các nhà chép sử bắt chước cũng viết là Hùng-vương xem bài *Etudes d'histoire d'Annam* của ông H. Maspero trong *Belletin de l'Ecole francaise d'Extrême-Orient*, quyển 18, số 3 trang 7).

Sở-dĩ chép nhầm như thế là vì chữ *Hung* 雄 với chữ *Lac* 雒 giống nhau và dễ lẫn lắm.

Có nhà sử-thần nước ta cũng đã biết là nhầm, nhưng không dám chữa : quyển *Đại-Việt sử-ký toàn thư* (ngoại-kỷ, quyển 1, trang 3 a) chỉ bàn một câu rằng : « *Lạc-tướng hận ngoa vi Hùng-tướng* », nghĩa là Lạc-tướng sau nhầm làm Hùng-tướng.

Nay ta có thể quả-quyết hơn, và nói lên rằng : *Hùng* là chép sai, *Lạc* mới đúng. Quyển *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên (về đời Hán Võ-đế, năm 140-88 trước kỷ nguyên) viết rành chữ *Lạc* là 駱 : như thế không tài nào lẫn được nữa *Sử-ký* (quyển 113, trang 1 b) chép rằng : « Lạc là nước Việt... Xét *Quảng-Châu* ký thấy chép Giao-chỉ có ruộng Lạc ; trông nước triều lên xuống, dân kiếm ăn ở ruộng, người nào được ăn lộc ở ruộng gọi là Lạc hầu 駱侯. Mọi huyện tự gọi là Lạc-tướng 駱將, ấn đồng dây xanh, tức là quan lệnh ngày nay ».

Gần đây, bộ *Đại-Thanh nhất thống chí* (quyển 122, trang 4 a) cũng chép là Lạc-vương, và nói cả đến cung Lạc-vương. Đoạn cung Lạc-vương như thế này : « Lạc-vương cung, ở châu Tam đái phủ Giao-châu Lịch Đạo Nguyên (trong bộ *Thủy kinh chú*) có dẫn *Giao-châu ngoại vực ký* Quyển nay chép xưa lúc chưa có quận huyện, thì có ruộng lạc, cấy cấy theo nước triều lên xuống ; làm ruộng là Lạc-dân trị dân là Lạc-vương ; dưới có Lạc-hầu, Lạc-tướng. Gọi nước là Văn-lang, phong-tục thuần-phác. thắt nút để ghi nhớ công việc. Truyền mười tam đời, bị con Thục-vương là Phán làm tiêu-diệt. Cung nền hãy còn ».

Có còn thực không ? Hiện chưa ai biết đích, vì chưa ai đi đến tận nơi mà tìm tòi theo phép khảo cổ Cho nên, trừ những truyện truyền-kỳ ra không kể, lịch-sử đời Lạc-Vương (mà ta thường gọi là Hùng-vương), chỉ biết đại-khái như thế mà thôi.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thân-thế một vị dật-sĩ người Nam-hà hồi cuối Lê:

NGÔ - THẾ - LÂN

Hải am Trần-văn-Giáp

NHÂN tra-cứu về chùa Thiên-mỗ ở Huế, thấy trong sách *Tang-thương ngẫu luc* của cụ Nguyen-Án (hiệu Kính phủ) và của cụ Phạm-đình-Hồ (hiệu Tùng-niên) có chép một bài thơ điếu-cổ của một vị cố-thần chúa Nguyễn khi lên bái yết chùa Thiên mỗ; nghe ra đầy-dẫy những giọng oán than, những chí cảm-hoài, đọc đi đọc lại, càng đọc càng ngẫm-nghĩ càng thấy thú vị. Bởi vậy chúng tôi tìm xem vị cố-thần chúa Nguyễn làm bài thơ ấy là ai? sinh vào đời nào?

Chúng tôi giở sách *Phủ-biên tạp lục* của cụ Bảng-nhỡn Lê-quí-Đôn, cũng thấy chép rõ ràng cả bài thơ ấy và chua rõ là của một vị dật sĩ người Nam-hà (hồi cuối Lê gọi tổng cả đất Trung-kỳ xưa là Nam-hà, nghĩa là về phía Nam sông Linh-Giang), tên là Ngô hoàn-Phác đề trên vách chùa năm Cảnh-hưng Ất-vị, tức là năm 1775 sau Tây-lịch, giữa hồi chúa Trịnh vào cai-trị đất Huế.

Ngô-hoàn-Phác là tên tự vị dật-sĩ Ngô-thế-Lân, người ở Thuận-hóa, từ nhỏ đã có chí-thú, học rộng, văn hay; sau về ở làng Vu-lại, huyện Quảng-điền, tự hiệu là Ái-trúc trai. Hồi cụ Bảng Lê-quí-Đôn vào làm Tham thị Thuận-hóa, cụ Ngô thế Lân chừng độ hơn năm mươi tuổi, ở trọ ở phố Hà-thanh ở Huế Cụ Bảng Đôn có cho người mời vào chơi, nhưng cụ Ngô xin từ tạ; ý nói lại chơi để cầu tiến thân thì cụ lấy làm hổ thẹn Cụ Ngô không những là bậc danh-sĩ văn hay, giàu tư-tưởng, trong nhiều thơ văn của cụ có bộ thơ gọi là *Phong trúc tập*, thật là tao nhã mà có tình-chí, cụ Bảng Đôn đã phải thưởng thức.

Cụ Ngô lại còn có tài kinh-tế, tiếc không gặp thời. Vào đời đức Định-vương Nguyễn-phước-Thuần, cụ đã nhiều lần hiến phương-sách trị-bình: nào việc tiền-tệ, nào việc khai khẩn, việc binh, việc nông, theo địa-lợi, theo thiên thời, bày tỏ các nhẽ các cách nên làm, tiếc vì không được thi-hành!

Lịch-sử của cụ thật đáng để ý, thật là một vị có tài có học, có tư-cách kể ra đây không thể xiết được, ta phải làm thành một quyển sách riêng. Nay chỉ xin dịch bài *thơ tự-thuật* của cụ, nghĩa là tự cụ kể thân-thế của cụ bằng lời ngâm-vịnh, thì ta có thể hiểu rõ tâm-sự cụ hơn được, nào tiết thanh-cao, nào lòng tự-trọng, không thấy danh-lợi mà tối mắt, không vì hư-vinh mà nhục thân. Nhân đấy ta lại hiểu rõ thêm rằng: thơ-từ cũng có khi có ích cho sử-học vậy.

Bài thơ điếu-cổ đề ở chùa Thiên-mỗ (Hué)

Bảo-các quỳnh-lâu bán dĩ hoang,
Phạm cung y cựu đối tà dương.
Khả liên nhị bách niên cơ-nghiệp
Bất cập sơn tăng nhất mộng trường!

Dịch nghĩa

Gác tía, rêu xanh nửa phủ lồng,
Ngọn chùa trơ đó bóng tà chong.
Thương thay cơ-nghiệp hai trăm lẻ
Chẳng đọ thày tu một giấc mòng!

Bài thơ tự thuật

Nam phương hữu nhất sĩ,
Chi đại nhi số kỳ:
Thiếu du Tuyên-thánh môn
(Tuyên thánh là đức Khổng-Tử)
Trưởng tiến tâm vô nghi;
Đam thư phế tầm thực,
Nhiệm hiệp vong quyền uy;
Cử mục thương sinh khổ,
Hung trung vô sở thị!
Tự phụ kỳ uẩn độc,
Thiện giả ưng hữu kỳ.
Hành niên vị tứ thập,
Hốt nhiên tâm dĩ suy:
Thoái cư hữu mỵ lộc,
Kết ốc ngọa sơn bì;
Nhàn duyệt cổ kim thư,
Sở chí tại Phục-hi.
Thùy tri phú qui ngoại,
Biệt hữu giả tả nhi?
Điểm đầu tri cổ nhân,
Thành nhiên bất khả khi.
Hồi thủ thiếu niên trường,
Phàm sự dai vong vi.
Hạnh tại thoát cương tỏa,
Mặc mặc tâm tự di.
Triết nhân thán vĩnh viễn,
Ngô kim thùy dữ qui!

Dịch nghĩa

Giời Nam nầy một anh đồ,
Dám khoe số lạ chí to khác thường:
Sớm theo học đạo Tố-vương,
(Tố-vương cũng là đức Khổng Tử)
Biết bao hi-vọng đởm-đương dồi dào;
Thư-duy kinh-tứ ra vào,
Uy quyền há dễ mình nào sợ ai;
Lầm than trông thấy thở dài,
Trong lòng hiềm nỗi không tài thi trương!
Nghĩ mình hạt ngọc trân tàng,
Thà đành đợi giá, dám thường bán rao.
Tuổi chưa bon chục có bao,
Thế mà tiến thủ lòng sao trễ hoài

Xem tiếp trang 22

ĐỌC

Bản dịch « ĐẠI-HỌC, TRUNG-DUNG »

của ông Lê-chí-Thiệp

Hoa-Bằng

THOẠT ngó cái nhan đề bằng năm chữ đỏ «*Nền luân-lý việt-nam*»(1) nổi bật trên bìa màu vàng, tôi ngỡ ngay rằng ông Lê-chí-Thiếp chừng đã cống-hiến cho ta một thiên khảo-cứu về môn luân-lý của cái nước mấy nghìn năm văn-hiến này.

Thế nhưng không! Hai dòng chữ «antique carré 12» ở dưới đã vội cải-chính: cuốn sách này chỉ là một bản dịch hai thiên «Đại-Học, Trung-Dung» ra tiếng mẹ đẻ.

Cũng đáng mừng! Mừng vì người mình mang tiếng học chữ hán hàng mấy nghìn năm nay, nhưng có nhiều tín-đồ Nho-giáo vẫn cứ hờ-hững với việc giới-thiệu tư-tưởng của «Thánh, Hiền»! Vậy mà công-việc dịch Truyện (Tứ-thư gồm Luận, Mạnh, Dung, Học, gọi là Truyện) này lại được ông Lê-chí-Thiệp cáng-đáng, làm cho mấy nhà hiền-triết xưa của Đông phương lại như hiện thân thuyết pháp trên đàn văn-học nước nhà. Như vậy chúng ta — tôi và các bạn — có thể tự-hào nói: nhờ việc làm của ông Lê-chí Thiệp mà chúng ta khỏi tủi thẹn với hai ông M. G. Pauthier (2) và James Legge (3) đã dịch được Tứ-thư ra tiếng pháp và tiếng anh, mặc dầu hai dịch-giả tây-phương này không từng chịu phép «báp-tem» của Nho-giáo.

Mừng vì, trước đây, tuy đã có bản dịch Trung-dung, Đại học của ông Trương-Vĩnh-Ký (4), bản dịch Đại-học của ông Nguyễn-khắc-Hiếu, bản dịch Trung-dung của hai ông Hà tư Vị, Nguyễn văn-Đang (5), bản dịch Mạnh-tử của hai ông Nguyễn Đôn-Phục, Nguyễn Hữu-Tiến..., nay lại được thêm bản dịch Đại-học, Trung-dung của ông Lê nữa, thì các bản dịch ấy chắc sẽ làm rõ nghĩa lẫn cho nhau, độc-giả sẽ có nhiều tài liệu để so-sánh kê-cứu được

●

Xin mời các bạn độc-giả cùng tôi thử đọc trang đầu thiên Đại-học mà ông Lê đã dịch:

Thầy Trình-tử nói rằng: «Sách Đại-học là sách của đức Khổng-tử để lại làm cai của cho kẻ mới học vào cõi đạo-đức. Đời nay nên coi đó mà biết người xưa, muốn *học tập cho có* phương pháp *thứ tự, chỉ dùng thiên sách ấy trước, rồi mới đến sách Luận ngữ và Mạnh-tử. Học-giả cứ theo đó mà học thì khỏi bị sai lầm* » (trang 7).

Vì bản dịch của ông Lê không dẫn nguyên văn chữ hán, nên muốn so-sánh, ta phải dở đến bản *Tứ-thư chính-văn* của Tàu.

Nguyên văn đây: *Tử Trình-Tử viết: Đại-học, Không thị chi di thư nhi sơ học nhập đức chi môn dã. Ư kim khả kiến cổ-nhân vi học thứ đệ giả độc nại thủ thiên chi tồn, nhi Luận, Mạnh thư chi. Học-giả tất do thị nhi học yên tắc thứ hồ kỳ bất sai hĩ.*

Sau khi đã đem nguyên-văn ra đối chiếu ta thấy dịch giả đã «sai-lầm» trước «học giả» rồi! (hai chữ «học giả» này, xin hiểu theo nghĩa của sách Đại-học Coi nguyên-văn dẫn trên)

Vì câu « *Ư kim khả kiến.....*, *nhi Luận Mạnh thư chi* » chính thực thì nghĩa là «*Ở đời nay mà có thể thấy được cái thứ-tự vi học của người xưa là chỉ nhờ có thiên Đại-học này còn lại, rồi thử đến sách Luận ngữ và sách Mạnh-tử*». Vậy sao dịch-giả lại dịch là « *Đời nay nên coi đó mà biết người xưa*»? Xin hỏi: biết cái gì của người xưa kia chứ? Trong nguyên văn có gì là «muốn», là «phương pháp» đâu, sao dịch-giả lại tự ý thêm vào?

Cứ một mẩu văn dịch ấy để làm lệ, đủ thấy ông Lê, khi dịch, không chịu thận-trọng từng chữ, từng ý. Xin nhớ: đây là bản dịch chứ không phải là « *soạn* ra quốc văn » như lời ông nói ở bài tiểu dẫn (trang 2). Đã là dịch, cần phải trung thực với nguyên văn, không được thêm vào, bớt ra một chút xíu nào. Muốn cho rõ nghĩa và giúp người đọc được dễ hiểu hơn, thì chỉ có cách là chua mà giải nghĩa thêm ở dưới

●

Bây giờ tôi cùng các bạn đọc thử soát sơ một lượt, xem có chỗ nào cần phải bàn lại với dịch-giả để, mai sau, cuốn sách này nếu được tái bản, ông Lê nên sửa lại cho hoàn thiện hơn:

«... tại chỉ ư chí thiện» không phải là «ở sự *đến* chí thiện *mới thôi*» (trang 7). Chữ «tại» đây nên dịch là «cốt», chữ «chỉ» nên dịch là «đóng» (đậu, đỗ): «... cốt đong ở chí thiện» Ý nguyên văn nói. cái đạo đại-học là gì? Là cốt làm tỏ cái đức sáng, là cốt gần gụi với dân (6), là cốt lấy chí thiện làm cứu cánh.

Về câu « ..tai chỉ ư chí thiện » này, trong quyển *Le Ta Hio* ou *La Grande étude* của M. G. Pauthier dịch đúng hơn: « .. consiste à ... *placer* sa destination définitive dans la perfection...» (p. 1). Trong lời *chú* của Trình-tử, học-giả đời Tống, cũng cắt nghĩa câu ấy rằng: « đến đỗ ở chỗ chí-thiện mà *không dời đi* » (.. chỉ ư chí thiện chi địa nhi bất thiên) (7).

« ... Trí tri tại cách vật », dịch giả dịch là: « ... Biết đến chỗ cùng cực là ở sự cảm-thấu cái lẽ của sự-vật » (trang 8)

« Trí tri » ? « Cách vật » ? Dịch được cho vơ thật là trăm khó, nghìn khó! Vì nó là những danh từ trừu tượng, các nhà chú thích xưa mỗi thuyết một khác.

Theo Trình tử, thì « trí » nghĩa là « suy rộng cho đến cùng-cực » ; « tri » cũng như « thức » (biết) ; « cách » nghĩa là « đến », « vật » cũng như « sự » (việc). Vậy « trí-tri » là suy rộng cho cùng-cực cái trí-thức của ta, muốn cho những điều sở tri của mình đều được triệt để (dục kỳ sở tri vô bất tận) « Cách vật » là cùng-cực thấu đến các lý của sự-vật, muốn cho không chỗ cùng-cực nào của sự vật là không thấu tới được (8)

Rồi Chu-tử, nho giả đời Tống, dựa theo ý của Trình-tử mà cắt nghĩa cho đầy-đủ thêm về câu « trí tri tại cách vật » ấy : « . . . Ý nói : muốn suy rộng cùng-cực (trí) cái điều biết của ta, thì phải tới từng vật mà xét cho cùng cái lý của nó. Vì tâm-linh của người ta, ai là chẳng có tri-thức ; mà sự vật trong thiên-hạ, cái nào là chẳng có lý. Chỉ vì về lý, có cái chưa thấu được kỳ cùng, nên cái biết của người ta cũng có điều chưa xuể hết. Bởi vậy, sự bắt đầu dạy của Đại học tất khiến cho học-giả đối với bất cứ sự-vật nào trong thiên-hạ cũng phải xem xét tận nơi, nhân cái lý mình đã biết mà suy ra cho nó rộng thêm để cầu cho đến được chỗ cùng-cực. Khi đã dùng công-phu và sức-lực lâu rồi, một ngày kia, nó sẽ bật lên thông-suốt, thì không một bề ngoài, bề trong, cái tinh, cái thô nào của mọi sự vật mà mình không thấu đến, và toàn thể, đại-dụng của lòng mình cũng đều tỏ sáng cả. Thế gọi là *vật cách*, thế gọi là *tri* đã *tri* đấy. (Đại-học trong Tứ-thư thể chú, tờ 6a — 6b).

Trái với kiến-giải của hai Tống-nho trên, Vương-dương-Minh, học-giả đời Minh, cắt nghĩa « trí tri, cách vật » lại khác hẳn : *Trí tri* là giữ cho thành-thực, không đối với lương tri (tri lương-tri) (9) ; *cách vật* là cách bỏ những cái vật-dục. (Coi Vương-dương-Minh toàn tập)

Sở dĩ tôi phải nói dài về « trí-tri, cách vật » như vậy, là cốt muốn tỏ ra rằng nghĩa sách nó sâu nhiệm là thế, sự dịch sách nó khó khăn là thế, chứ có dễ-dàng hạ bút được đâu.

●

Không muốn làm các bạn đọc phải tốn nhiều thì-giờ, tôi xin « gấp đường » đưa các bạn « đi » xem Trung-dung (trang 22-49) của ông Lê.

« ...Hòa dã giả thiên-hạ chi *đạt* đạo dã », ông Lê dịch là « ...hòa ấy là đạo *cả* của thiên-hạ» (trang 23). Chữ « đạt » mà dịch là « cả » thì lẫn nghĩa với chữ « đại ». Nên dịch là « ...đạo *suốt* » thì đúng hơn. « Đạt » đây giống nghĩa như chữ « phổ-thông » : « ...Hòa là cái đạo *phổ-thông* của thiên-hạ ». (Vì hai tiếng « phổ-thông » nó có vẻ mới, nên tôi dịch là « *suốt* ».)

« *Rất* trung lẫn hòa thì trời đất được yên sở, và vạn vật được toại sinh » (trang 23), đó là ông Lê dịch nghĩa câu : « *Trí* trung, hòa : thiên địa vị yên ; vạn vật dục yên ». Chữ « trí » 致 này mà dịch là « rất » ? Thiệt sai quá ! Nên dịch « Suy rộng cùng cực mà làm cho đến được trung, hòa, thì trời đất được yên sở, muôn vật được toại sinh ».

« ...Đạo kỳ bất hành hĩ phù ! » Ông Lê dịch : « ... *Thương ôi ! người ta* không hành đạo ! » (trang 25). Nguyên-văn có chữ gì là « thương ôi » đâu, sao dịch giả lại cho thêm vào ? Nguyên-văn đặt chữ « đạo » làm chủ-ngữ (sujet), sao dịch-giả lại đặt « người ta » vào đấy ? Tôi tưởng nên dịch : « Đạo, đến không làm được mất thôi ! »

Nguyên-văn : « ...Nhân dai viết dư trí, *trạch* hồ trung-dung nhi bất năng cơ nguyệt thủ dã ! » Dịch-giả bỏ sót chữ « *trạch* », nên mới dịch rằng : « ...Ai nấy đều nói ta là người trí, thế mà không giữ đạo trung-dung được đến một tháng. » (trang 25).

Lại như hai chữ «khả quân» (có thể cai-trị cách quân-bình) trong câu « ... thiên-hạ quốc-gia khả quân dã... » mà dịch là « ...thiên-hạ quốc-gia *có lẽ trị* được... » (trang 26) : Không đủ nghĩa, không bằng M. G. Pauthier đã dịch : « Les Etats peuvent être gouvernés *avec justice*... »

●

Nói tóm, trong hai thiên « Đại học, Trung-dung » ông Lê dịch này tôi mới coi sơ một vài chỗ, đã thấy nhiều cái hỏng như trên, đủ biết rằng, khi dịch, dịch-giả đã quá hấp-tấp, không chịu thận-trọng, nên mới có những cái sai lầm đáng tiếc như thế !

Xem tiếp trang 18

Muốn chữa nạn thanh-niên trụy-lạc

Hãy đốt hết những sách khiêu dâm

Phạm-mạnh-Phan

CHƯA bao giờ bằng bây giờ, các sách đua nhau ra đời một cách sốt-sắng làm vậy. Những người vốn sẵn lạc-quan sẽ vỗ tay reo mừng cho nền văn-chương việt-nam đã tới ngày phồn-thịnh, và sẽ ngợi khen các thanh-niên tân học đã biết săn-sóc tới tiếng mẹ đẻ, khỏi mang tiếng con người vong bản !

Nhưng phần nhiều những sách đó chỉ là những sách dâm ô, tai hại, chuyên tả những thanh-niên trác-táng, lấy trụy-lạc làm lẽ sống ở đời và những thiếu nữ thơ-ngây, học lực dở-dang, mơ mộng viển vông, chỉ muốn giựt đứt những cái mà họ cho là xiềng-xích của các gia đình nền xếp mà sống theo tiếng gọi của Dâm Thần.

Những văn-sĩ đốn-mạt và những con buôn vô liêm-sỉ đã viết và đã cho xuất-bản những sách đó, gây biết bao tai-hại cho các gia đình hiền-hậu chẳng may đã có những con em ngờ-nghệch bị sa vào « bẫy » trục lợi của bọn vô lương đó !

Với những hạng văn-sĩ đê-hèn đó, văn-chương việt-nam đang đi tới đoạn suy-đồi của lịch-sử văn-học và đang bước tới con đường diệt-vong ! Chúng là kẻ thù số một của sự tiến hóa và là kẻ thù chung của các gia đình.

Lột mặt nạ chúng và bài xích chúng đã là một việc cần phải làm, thì những quái thai của chúng bày nhan-nhản trong các hàng sách, chúng ta cũng phải thẳng tay bóp chết để tránh những tai nạn chúng sẽ gây nên.

Thật biết bao thanh-niên nam nữ, đang trong tuổi thiếu thời, kém từng trải, ít suy nghĩ đã làm những nạn nhân của các sách dâm ô !

●

Trước kia những truyện tình lãng mạn đã gây nên ở nước ta hồi năm 1931 phong-trào tự sát một cách đáng sợ. Những sách đó đã đầu độc biết bao thanh niên, đã thêu dệt nên biết bao thảm kịch !

Ở đây, cũng như ở Pháp và ở ngoại quốc, chúng đã gây nên chứng « thời bệnh » (le mal du siècle) mà kết quả là một số thanh niên nam nữ tuấn tú của đất nước đã đi lầm đường, thất vọng vì tình duyên trắc-trở, ôm chặt mối hận lòng mà tự chôn vùi thân-thế nát với cỏ cây ! Nếu không tự vẫn, thì họ lại chán nản cuộc đời, chỉ muốn thoát thân ngoài vòng trần tục mà vui sống trong cõi hồn mơ-mộng. Họ đành lòng mượn cảnh từ-bi, nương nhờ bóng Phật mà ly-dị với gia đình, với xã-hội.

Rồi tới các sách kiếm hiệp thần tiên đã gieo giắc sự mơ-hồ viển-vông vào các óc thơ ngây. Có nhiều bạn thanh-niên hằng ngày cặp mắt lười chớp trên các cuốn tiểu-thuyết đó quên bẵng thực tế, chỉ sống trong ảo mộng !

Họ đi tìm giữa buổi khoa học máy móc này những cảnh tu tiên miêu tả trong các truyện và có khi đã lìa bỏ gia-đình rủ nhau lên các núi cao rừng thẳm để tìm các bậc đạo nhân, y như những vai huyền bí trong các truyện hoang-đường quái đản !

●

Đến nay, các sách khiêu dâm lại đường hoàng dắt một số đông thanh niên nam nữ vào con đường trụy-lạc,

Say đọc các sách tai hại đó, họ đem hết cả thông-minh của tuổi trẻ ném vào các nhà truy hoan, đem hết cả sự hăng-hái của thiếu thời tiêu vung phí cạnh khay đèn khói thuốc !

Cuộc đời họ là hàng ngày vui sống bên những gái giang-hồ ô-uế, hít thở những không-khí dâm-bôn. Họ miệt-mài trong các cuộc cười thâu đêm, họ say sưa trong những bữa tiệc lả-lơi nghiêng-ngửa.

Hành-vi của họ là hành-vi của những kẻ chỉ biết vâng theo mệnh-lệnh thiêng-liêng của thần Vệ-Nữ, chỉ biết quỵ-lụy trước vẻ đẹp mê hồn của gái dĩ mượn trong màu phấn son.

Mục-đích họ là cố làm thỏa-mãn những tiếng kêu gào, hạch-sách của xác-thịt, là tận tâm tận lực thi-hành những tư-tưởng mờ-ám bẩn-thỉu của các vai truyện mà họ đã đọc. Họ phó thác tương lai bấp bênh của họ trên chiếc đệm nhà sàm hoặc giam hãm nó trong bốn bức tường của các hộp đêm đen tối.

Họ đã giẫy séo danh dự họ trên những con đường bùn lầy nhơ nhớp. Tâm-hồn họ là tâm-hồn của những kẻ chỉ biết phụng-thờ

chủ nghĩa khoái-lạc, chỉ biết sống ích kỷ, độc thân.

Đối với họ, không có một cái gì là thiêng liêng. Đừng nói với họ những công chuyện gì nghiêm-trang, đứng-đắn. Đừng bảo họ rằng gia đình là cao quý. Đừng nhắc họ rằng khi thiêng non sông đất nước đã hun đúc nên họ. Vì họ sống không nép mình dưới một tôn giáo nào, không vâng theo một luân lý bó buộc nào và không quỵ lụy một lý-tưởng cao siêu nào.

Óc họ rỗng. Lương tâm họ chết. Họ riễu cợt hết thảy mọi cái, trừ tội-ác. Họ nhắm mắt làm theo hết thảy những cái gì có thể chát bùn nhơ lên thân thể họ, nhưng tránh xa những bổn-phận cao quý.

Họ chán nản tất cả mọi cái. Họ chỉ cần có tiền tài để vung phí tuổi thanh niên của họ. Họ là tay sai đắc lực của Ác quỷ, là hiện thân của Ma dâm bôn ty tiện.

Ai trái ý tưởng họ? họ công-kích liền! Ai lấy quyền thế ép họ phải sống trong khuôn khổ của gia pháp? họ tìm kế thoát ly!

●

Cùng chịu ảnh-hưởng của các ngòi bút suy đồi, của các sách dâm ô, một số phụ-nữ, trẻ người, non dạ, cũng mù quáng giày sẽo lên cả các bổn-phận làm vợ, làm con.

Được hấp thụ chút học-vấn còn non-nớt được bập bẹ vài chữ «nữ quyền, bình đẳng», họ phăng phăng quyết liệt đạp phá những nề nếp đạo-đức, mong thoát-ly hẳn gia đình mà họ cho là ghê tởm, là chuyên-chế.

Sống dưới khuôn khổ mẫu mực, họ tự coi mình như những tội nhân bị giam lỏng trong «cảnh tù khuê các». Họ buồn nản khi thấy cha anh ngăn cản mình trong cuộc tình duyên lãng mạn

Họ hủy-hoại thân-thể dưới làn nước biếc, hoặc trên dịp cầu sông Cái như những «anh-hùng» trong các truyện đã đầu độc họ.

Đối với những thiếu nữ đó, lẽ sống duy-nhất của đời người là tình-yêu. Mộng-tưởng cao-siêu của họ là đáp lại những tiếng gọi thiết-tha của cõi lòng. Gia-đình có làm khó dễ họ, thì họ thoát-ly. Rũ áo ra đi, các trang thiếu nữ «oanh-liệt» đó tưởng như tìm được hạnh-phúc ngay ở bên đường, nhưng sau cơn ác mộng bị kẻ bạc tình nhẫn tâm bóc lột, lừa dối, một phút điên rồ sa ngã, ngàn năm hối hận, họ chỉ còn biết ăn năn tự hối trở lại với gia-đình mong lượng trên tha thứ mà hòng sống những ngày tàn nhem nhuốc!

Cha chú có đặt lời nhiếc móc, thì họ riễu cợt chê bai. Theo họ, đời phải là những xa-hoa lộng lẫy, những mộng tưởng mê hồn. Nếu nay không ôm cái quan niệm «phi cao-đẳng bất thành phu phụ» thì lại nồng nan tha-thiết ca-tụng cảnh «một trái tim vàng trong túp lều tranh» mà không chịu nhìn vào thực-tế.

Trong đầu óc những nạn-nhân đó, sống chỉ để mà yêu, chứ ngoài ra, không còn việc gì đáng làm, không còn cái gì thiêng liêng mà thờ phụng. Có lúc họ ngụy biện cả gan bênh vực cái thuyết có chồng nhưng được phép có nhân tình, vì sống với chồng là sống theo bổn phận bó buộc, còn người bạn tình mới là người yêu lý-tưởng! Nguy hại thay những tâm hồn lẳng lơ ấy!

●

Đó, các sách nhảm đã đào tạo nên một hạng thanh niên nam nữ say sưa cảnh tưng bừng trụy lạc, mê man bả tình yêu lãng mạn, quên lãng bổn-phận và gia-đình!

Thật không nói ngoa, không bao giờ bằng bây giờ, các gia-đình than-phiền những tai hại gây nên vì sách nhảm. Người ta đã lên án những sách đó bằng những lời rất nghiêm khắc. Những thảm kịch gây nên đăng trong các báo gần đây đều do các sách khiêu dâm là thủ phạm: một cặp vợ chồng trẻ mới lấy nhau vô duyên cớ tự sát trong buồng kín; một cặp trai gái tình duyên trắc trở dủ nhau kết liễu cuộc đời đôi lứa bằng nòng súng lục, rồi trong thơ tuyệt mệnh, đòi cho song táng để muôn kiếp được cùng nhau gần gụi! Kể ra còn nhiều. Những kẻ tự ý huỷ hoại cuộc đời đó có biết đâu là tự mình đã nhận lấy một cái chết đáng phỉ-nhổ, đáng khinh-bỉ, đáng thóa-mạ!

Truy tầm tới nguyên nhân các vụ tự sát chỉ là tại các sách khiêu dâm đã nặng lời ca-tụng những hành vi đầy tội lỗi, đã thêu dệt nên những quan niệm kỳ quặc về nhân sinh. Những óc non nớt tưởng là hay, là mới, nhắm mắt theo liều, gieo tai vạ trong biết bao gia-đình thê thảm!

●

Giờ quan trọng đã đến! Không phải là lúc ngồi thuyết-lý suông. Chúng ta hãy bắt tay vào việc, mau cứu vớt các gia-đình, bài trừ cho kỳ tiệt cái tai nạn sách khiêu dâm, một tai nạn lớn lao của xã-hội Việt-nam hiện thời

Bà Kiểm-duyệt! Sẵn bút chì xanh đỏ trong tay bà đừng ghệch vội! Hãy khoan cho tôi nói những lời ngay thẳng: Tôi đã biết ơn bà đã từng khắt khe với những loại sách mà tôi đã công kích, nhưng tôi muốn bà cay nghiệt hơn nữa đối với những quái thai đó trong làng văn. Bà hãy bóp chết chúng trong khi còn trứng nước, như

Xem tiếp trang 18

Chuyện thơ

MỘT NỮ THI SĨ 11 TUỔI

TÔI đã từng được đọc những bài thơ thật hay, trong sự vui vẻ, sự đau buồn, sự sầu tủi... không thiếu, nhưng chưa một bài nào làm cho tôi cảm động bằng khi tôi đọc những bài thơ mà sẽ nói đến dưới đây:

Hôm ấy, tôi về chơi nhà một người bạn ở cách Hà-nội mươi cây số. Bạn tôi là một văn-sĩ kiêm thi-sĩ có tiếng.

Nằm nghỉ ở nhà bạn, sự tình cờ đã đặt bên cạnh tôi ở từng thứ hai một cái kỷ, một cuốn sách học trò, giấy, bìa đã nhầu nát. Tôi cho đó là một cuốn vở của con ông bạn. Tò mò tôi mở xem, mục đích muốn biết sức học của con một người bạn mà mình mến.

Dở sách ra mới biết là một ấp thơ chép tay, chữ còn non quá, có chữ quốc ngữ chưa viết trúng; tập thơ ấy nhan đề là « *Lệ-Hằng thi-tập* ».

Nhận có nhiều bài khá, tôi gọi ông bạn lên hỏi cho biết những bài thơ ấy chép ở đâu, ai là tác-giả.

— Có lẽ của con cháu Ngọc-Thiều nhà tôi đấy.

Với nét mặt cảm động, bạn tôi đọc thêm mấy bài rồi nói:

— Từ năm ngoái nhà tôi vẫn nói con cháu làm được thơ, có nhiều bài đáng chú ý; thường ngày cháu chỉ chăm chú vào sự làm thơ; tôi có bảo cháu cho xem nhưng y cứ giấu, vì tính cháu hay thẹn, tôi ở Hà-nội luôn, chỉ chủ nhật mới về chơi được, thành ra cũng bây giờ tôi mới biết cháu có tập này.

Một « cuộc điều tra » nhỏ đã ho chúng tôi biết tác giả tập thơ ấy là một cô nữ-sĩ tý hon mới 12 tuổi; nhưng có những bài cô làm từ năm ngoái là năm mới 11 tuổi; Lệ-Hằng là tên của nữ-sĩ ấy tự đặt làm hiệu riêng cho mình.

Xin trích ra mấy bài như sau:

Đợi-chờ

Xào-xạc chim ngàn về tổ ấm,
Mục-đồng cũng đã ruổi trâu về.
Nhưng em vẫn đứng bên đê (1) đợi
Người đã cùng em cùng nguyền thề.

Thế rồi người ấy bỗng đi xa,
Những buổi hoang hôn bóng nắng tà
Em đứng bên sông (2 chờ đợi mãi
Mỗi mòn đã mấy cái xuân qua!

Trăng đã nhô lên khỏi núi sầu,
Em còn lặng đứng mấy giờ lâu
Nhìn trăng luống tủi cùng trăng tỏ!
Chàng hỡi giờ này chàng ở đâu?

Trần trọc riêng ôm mối đoạn trường,
Đêm ngày sống với những đau thương
Nhuệ giang (3) bến nọ chia tay biệt
Tầm tã mưa thu lệ mấy hàng...

Chàng ạ, hôm nay gió lạnh lùng!
Em buồn ra đứng tựa thư - song:
Cảnh thu như giục lòng rầu rĩ
Bặt-bặt tăm hơi cánh nhạn hồng.

Và một bài khác

Xuân nay

Gió rập cành đào lá phất phơ,
Bên cầu dương liễu thướt buông tơ.
Xuân nay em thấy lòng em lạnh
Hờ hững dường như có đợi chờ..

Hoa đào còn đẫm giọt sương mai.
Em thấy lòng em như chết rồi!
Em thấy đời em buồn tẻ quá,
Thương tâm tầm-tã giọt châu rơi..

Ngô - Sơn (4) còn ẩn hiện trong sương.
Gió sẽ mơn-man cánh hải-đường.
Kia đóa văn-khôi vừa nảy nụ.
Kia ngàn mai trắng ngát đưa hương.

Cảnh vật vui cười tươi với xuân
Thân em chìm nổi biết bao lần!
Nhưng dù xuân đến xuân đi mãi
Vẫn một lòng son với cố nhân

Thời gian mòn mỏi cứ trôi đi,
Đi mãi mà không hẹn buổi về.
Bến Nhuệ (5) xuân xưa vừa giã biệt,
Bên tai quốc đã báo sang hè.

Đọc mấy bài thơ trên đây rồi nhìn cô bé, tôi có cảm tưởng giờn giợn như đứng trước một sự kỳ dị.

Tuy nhiên, những bài trên này có cái chỗ cho tôi không được vừa lòng, ấy là nó có cái tình tứ của những người nhớn, không thích hợp với cô bé ấy. Tôi gọi y vào bảo: « Thơ cháu làm khá đấy, nhưng bận sau đừng làm những câu tình-tứ như thế này, nghe không? Phải làm thơ với những ý nghĩ chân thành của cháu »

Cho cô bé đi một nơi khác, tôi đọc lại những bài thơ để ông bạn để ý đến nhưng ý tưởng, dù chỉ là những ý tưởng mượn, ý tưởng bắt chước ở trong sách, nhưng cũng nên ngăn cấm.

Cô bé không phải chỉ làm những thơ buồn và không thành thực. Tôi trích dưới đây mấy bài có cái tính cách khác.

Gửi bạn Lệ-Khanh (6)

Bạn ơi, bạn có nhớ tôi không?
Nhớ bạn tôi riêng nặng tấm lòng

Gặp gỡ chỉ mong ngày chủ-nhật,
Lòng nào bạn để phải chờ mong.

Ngày thơ ấu

Ngày ấy xa rồi cách đã lâu,
Lúc em vừa chín tuổi trên đầu.
Tóc xanh còn bỏ trên lưng bé,
Và vẫn thơ ngây chửa biết sầu.

Thu về

Thu về trên cánh gió,
Lá rụng đầy bên song.
Em buồn tựa cửa đứng,
Trông ra mấy rặng hồng.

Chắc bạn đọc ngờ rằng những bài thơ này đã do một tay yêu thơ chép ở đâu ra. Thoạt tiên chúng tôi cũng ngờ thế, nhưng không phải. Chúng tôi đã tìm những chứng cớ chắc chắn để công nhận những câu thơ ấy là của nữ thi-sĩ tý hon mới 11, 12 tuổi.

Theo bà mẹ sinh ra cô, thì thường ngày cô ưa đọc sách, thứ nhất là thơ, và ưa người đọc thơ cho nghe.

Cô bé có người anh năm nay 18 tuổi và một người em 9 tuổi, cũng có mỗi người một tập thơ. Tôi đã được đọc qua: tập của người anh cũng có nhiều câu đặc sắc; tập của người em thì mới chỉ có những câu ngây thơ « bất thành cú ».

Mỗi khi anh cô bé làm được bài thơ, đọc cho em nghe, nếu có chữ nào sai bằng trắc, chệch ra ngoài luật, cô biết ngay và bảo để anh chữa lại.

Đọc những bài thơ tôi trích trên, chắc các bạn đọc cũng như tôi đã phải suy nghĩ. Có dịp tôi sẽ trở lại với câu chuyện thơ này.

LÊ-THANH

(1 2, 3, 4, 5) Những cảnh nay có thể gợi tác-giả ở.

Một bạn c a « tác-giả

Tạp-trở

Giá máu của dân SOMALIE

Ở nhiều dân-tộc chưa văn-minh, tội giết người có thể chuộc lại được. Những kẻ giết người hay những người nhà có thể giả cho thân-nhân kẻ bị giết một số tiền tương-đương với mạng người. Đó là giá máu.

Lối này- ngày xưa ở miền tây Âu-châu đã thực hành, tùy theo giai-cấp kẻ bị giết mà đền tiền. Tuy vậy, cũng còn cần gia quyến kẻ bị giết có thuận hay không đã. Nếu họ không thuận thì kẻ sát nhân không thể tránh được tội tử-hình.

Ngày nay, cái « giá máu » đã tiêu-diệt bởi cac luật-lệ của dân-tộc văn-minh. Nhưng, ở các dân-tộc dã man, nhất là dân xứ Somalie, vẫn còn tục ấy.

Xứ Somalie thuộc về phía Đông Phi-châu, trên vịnh Aden, một nửa thuộc Anh, một nửa thuộc Pháp.

Khi kẻ sát-nhân có tiền chuộc sự sống của mình và được họ-hàng kẻ bị giết bằng lòng, thì các nhà cầm quyền không truy-tố kẻ sát-nhân ấy nữa.

Trước khi định tiền chuộc, hai gia đình đôi bên phải họp lại để đánh giá kẻ bị thiệt mạng. Một kẻ bình-dân thường thường trị giá bằng 57 con bò bốn tuổi, hay là bằng 400 thalaris (thalaris là một thoi bạc trị giá bằng 1 đồng bạc Đông-dương). Một mạng con người mà trị giá có 400 bạc kể cũng chả đắt!

Tuy vậy, cái « giá máu » ấy cũng thay đổi tùy theo kẻ chết và kẻ sát-nhân ở cùng một bộ-lạc, hay là có họ hàng với nhau, hay là người xa la.

Một người khác bộ-lạc thì giá máu lại tăng gấp bội. Nếu cả hai — kẻ chết và kẻ sát-nhân — đều ở cùng một bộ-lạc nhưng không có họ với nhau thì số tiền chuộc có giảm đôi chút.

Nếu có họ hàng với nhau thì số tiền chuộc lại càng giảm xuống. Càng họ hàng gần bao nhiêu thì tiền chuộc càng nhẹ đi bấy nhiêu. Đó là một điều luật của dân dã-man ấy.

Giết một người anh em thì thôi, người cha hay chú bác kẻ bị giết chỉ đòi ở kẻ sát nhân một số tiền phạt.

Còn số tiền về giá máu thì chia cho anh em nào gần nhất kẻ bị giết. Nếu không có anh em thì phải chia cho họ xa. Nếu tứ cố vô thân thì tiền đó sẽ chia cho những người ở cùng một bộ-lạc.

Còn đánh nhau mà bị thương tích? Cũng phải chuộc tiền. Cái giá này rẻ và đã có giá nhất-định đặt từ trước.

NAM ANH

Sách mới.

Tri-Tân mới tiếp được hai quyển này:

1·) *Tiếng Thơ* của Nguyễn huy Quý, nhà in Thụy-Ký phát-hành, giá 0 p. 30.

2·) *Một nền giáo-dục Việt-nam mới*, của Thái-Phỉ, Đời-Mới xuất-bản, in bằng thứ giấy gió đẹp, giày 144 trang, giá 0 p. 60.

Xin cảm-ơn các nhà gửi tặng và giới-thiệu với các bạn đọc Tri-Tân.

GIÁ BÁO

1 năm 5p.50 Nửa năm 2p 80
3 tháng 1p 50 Mỗi số 0p 12

Công sở và ngoại-quốc gấp đôi

Thư và ngân-phiếu gửi cho ông Nguyễn-tường-Phượng 349, phố Huế Hanoi

Góp vui

Thầy đồ Phùng Dương

Vũ-Văn-Lễ dịch thuật

MỘT thầy đồ tên là Phùng-Dương định đi du học trong sáu tháng. Thế mà mười tháng sau, người ta cũng chưa thấy thầy về, vợ thầy lo buồn lắm.

Một đêm, trước rèm thấp thoáng giảng soi, cô đồ lúc sắp lên giường nằm, bỗng trông thấy một bóng người. Cô còn đương ngơ-ngác thì, rèm đã vén lên, một thiếu-nữ, áo tím, tóc gài trâm ngọc, đi vào tủm tỉm cười, bảo cô rằng :

— Cô đồ có muốn tìm thầy ấy thì đi với tôi ?

Khốn nạn, cô đồ còn đang lưỡng-lự thì thiếu-nữ cầm lấy tay và bảo :

— Đừng sợ.

Rồi hai người cùng đi ra dưới bóng giảng. Thiếu-nữ đi nhanh thoăn thoắt ; cô đồ không theo kịp, vì giày chật, chân đau. Thiếu-nữ cho cô đồ mượn giày của mình, tự bấy giờ cô đồ đi nhanh như bay. Một lát sau, hai người trông thấy thầy đồ cưỡi con la trắng đi lại. Trông thấy vợ, thầy đồ ra dáng rất ngạc nhiên, bèn xuống đất để nói chuyện.

Cô đồ nói :

— Ấy tôi cũng định đi tìm thầy đấy.

Bấy giờ thầy đồ chỉ vào thiếu-nữ, toan hỏi ; nhưng cô đồ chưa kịp giả nhời thì thiếu-nữ vừa cười vừa lấy tay bưng miệng thầy đồ mà bảo :

— Đừng hỏi han vội, cô ấy mệt đấy. Mà chắc hẳn thầy và cả con la của thầy cũng mệt nữa. Thầy hãy lại nhà tôi nghỉ, tôi ở gần ngay đây ; mai thầy sẽ lên đường cũng vừa.

Cách đấy vài bước, quả có một làng, họ vào trong một sân. Nghe tiếng thiếu-nữ gọi, một thị-tì bước ra.

Thiếu-nữ bảo :

— Đêm nay có giảng, không cần thắp đèn lồng. Thầy, cô ngồi chơi ở những ghế đá trên thềm kia.

Thầy đồ buộc la ở trước hiên rồi hai thầy cô cùng ngồi. Thiếu-nữ mời ăn điểm tâm, và nói :

— Đôi phượng-hoàng xa cách nhau đã lâu, nay mới hội ngộ, tôi xin phép uống rượu mừng cả đôi được mạnh giỏi.

Thầy đồ cho thiếu-nữ nói là phải. Chẳng bao lâu, chuyện-trò thành ra vui vẻ và tự-do nữa. Thầy đồ nhìn thiếu-nữ bằng con mắt say-đắm và luôn luôn buông những câu tình-tứ mặn-mà. Lỡ ra mắt thầy gặp phải mắt vợ thì thầy đồ cũng không có được một câu nhạt-nhẽo để đãi bôi.

Sóng tình nhường đã siêu-siêu,
Xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi...

Với cặp mắt mỹ-lệ đáng cảm-động, thiếu-nữ đánh bạo nói những câu mập-mờ đầy hứa-hẹn mà cô đồ ngồi xa giả vờ như không hiểu gì cả. Chuyện trò mỗi chốc một thêm thân-mật, sỗ-sàng. Thiếu-nữ mời thầy đồ cạn một chen nữa thì thầy từ chối : « Uống đã say ! » Thiếu-nữ cố mời...

Sau thầy đồ nói :

— Anh bằng lòng cạn chen này nữa, nhưng em phải hát cho anh nghe một bài.

Thiếu-nữ không để phải vật-nài, tay cầm miếng ngà con gẩy đàn cầm, miệng hát :

Chiều hôm, tô-điểm chi mà.
Gió tây man-mát bay qua rèm ngoài.
Rì-rào tiếng động bên tai,
Hạt mưa thánh-thót tuôn hoài, không thôi...

Cùng ai ca một khúc chơi,
Khóe thu-ba luống chân giời đăm-đăm.

Trạnh niềm nhớ bạn tri-âm,
Mong về chẳng thấy, đầm-đầm chân rơi !

Tiếc-thương, tấc dạ bồi-hồi.
Chiếc giầy thêu đỏ giữa giời lung cao.

Bói xem duyên số thế nào,
Mà người viễn-khách biết bao giờ về ?

Thiếu-nữ thêm :

— Đó chỉ là câu hát phổ thông tầm-thường, không đáng được anh nghe, nhưng ngày nay người ta đương chuộng cái « mốt » ấy, nên em cũng không biết hát bài nào hay hơn.

Điệu hát lẳng-lơ, dọng hát khêu gợi, khiến thầy đồ ngồi nghe, tâm-thần mê-mẩn quá đến nỗi kho cầm lòng được... Bấy giờ thiếu-nữ giả tảng buồn ngủ, bỏ bàn rượu đi vào thầy đồ đứng dậy, đi theo. Hai người đã lâu chưa trở ra, nên thị tỳ mỏi-mệt ra ngoài hiên ngủ cả.

Cô đồ ngồi lại một mình, xiết bao nhục-nhằn đau đớn, toan trở lại nhà, nhưng đêm tối không nhớ đường về. Cô đồ đương đi đi lại lại, chưa biết tính sao thì chợt nảy ra cái ý lại dò gần cửa sổ : Cô nghe thấy tiếng thì-thầm trong buồng, thôi còn hồ-nghi gì nữa ! Cô lắng tai nghe và cứ như những điều mà cô đã ghi-nhớ thì cô nhận ra rằng đích thị là chồng cô. Thật là trêu ngươi quá đỗi. hai tay cô run rẩy, tim cô thổn thức. Cô muốn đi ra và ẩn vào cái cống bên vệ đường để chết đi cho yên thân còn hơn là ngồi lại ở đấy.

Bấy giờ cô chợt thấy em cô là Sơn-Lương cưỡi ngựa qua đường. Em cô xuống ngựa. Khi đã nghe cô kể hết khúc nhôi, hắn tức giận, cùng cô đi vào trong sân. Cửa phòng đóng kín, người ta nghe thấy ở trong có tiếng rì rầm của đôi tình nhân đương chung gối chuyện-trò âu-yếm. Sơn-Lương bèn lấy một hòn gạch to bằng cái đấu, ném qua cửa sổ : chấn song gãy tan-tành. Người ta thấy trong buồng có tiếng kêu : « Vỡ đầu bẫn rồi ! Tội nghiệp! »

Nghe thấy tiếng kêu như vậy, cô đồ khóc sướt mướt.

— Tôi có bảo cậu giết anh ấy đâu ? Không biết rồi chị em mình ra sao đây ?

Sơn-Lương hầm hầm nhìn chị :

— Chị vật nài tôi đến, tôi thấy chị phiền, tôi thương. Bây giờ chị bênh chồng chị, chị cự tôi, phải không ? Tôi không phải là người

Xem tiếp trang 13

SAU khi Nguyễn-Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương-chấp-Nhất đánh thuốc độc chết, binh quyền giao cả lại cho rể là Trịnh-Kiểm để «phù Lê giệt Mạc»

Nguyễn Hoàng, con Nguyễn-Kim, sợ anh rể âm hại, mới nói với chị là Ngọc-Bảo xin Trịnh-Kiểm cho vào trấn phía Nam

Nam Mâu-Ngọ (1558), Trịnh-Kiểm tâu vua Lê-Anh-Tôn cho Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận-hóa.

Nguyễn Hoàng về Thuận-hóa rồi, bề ngoài tuy chưa ra mặt chống với họ Trịnh, nhưng bề trong hết sức lo sự phòng bị, luyện tập quân lính, xây đồn, đắp lũy, chờ cơ-hội chống nhau với họ Trịnh.

Miền Nam, tuy có nhiều ông nhưng sông không giao-thông với nhau, lòng sông thường có cát nổi, thuyền bè đi lại hay bị ngưng-trệ, cho nên thủy-quân không thể bành-trướng như ngoài Bắc có nhiều sông to, có kênh-đào liên-lạc. Vì vậy, nhà Nguyễn chú-trọng đến việc mở mang lục-quân và kiến-thiết các đồn-ải.

Khi đồn-lũy đã kiên-cố, binh lương đã sung-túc, chúa Sãi Nguyễn Phúc-Nguyên, con thứ sáu Nguyễn-Hoàng, mới ra mặt không thần-phục họ Trịnh nữa, và sai tướng chiếm đất Nam-Bố-chính ở phía Nam sông Linh-Giang làm thế ỷ-giốc

Từ đó họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau, quyết-liệt trong khoảng 45 năm trên đất Quảng bình, Hà-tĩnh bây giờ.

Năm Đinh-mão (1627), Nam, Bắc khởi cuộc binh đao. Trịnh, Nguyễn đều dàn quân trên tả-ngạn sông Nhật-Lệ tục gọi là sông Đồng-hới, có một bức lũy làm giới hạn.

Tướng Nguyễn chưa kịp sửa soạn, bèn dùng kế phao tin ngoài Bắc có biến. Trịnh-Tráng trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn rước vua Lê và rút quân về Bắc.

Trước lực-lượng của chúa Trịnh, chúa Sãi-Vương bèn nghĩ ngay đến việc phòng-thủ, tăng binh-bị, lập đồn-ải ở các nơi hiểm-yếu để ngăn quân địch.

Lại biên-giới miền Nam, có một hải khẩu thường gọi Cửa Sài tức là cửa sông Đồng-Hới. Các chiến-thuyền nhà Trịnh muốn vào đất Nguyễn tất phải qua Cửa Sài, cho nên Cửa Sài và vùng lân-cận là một nơi hiểm-yếu: một bên lo phòng giữ và một bên nghĩ phương chiếm-cứ. Vì vậy Sãi-Vương sai quan Nội-tán là Đào-Duy-Từ xây một cái lũy giải ở cửa Nhật-lệ theo dọc bức trường-thành đã đắp tạm từ năm 1627 làm giới-hạn cho hai quân Trịnh, Nguyễn.

Đào-Duy-Từ vốn người làng Hoa-trai, huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa, vì là con nhà xướng ca Đào-Tá-Hán, nên Từ không được đi thi, phẫn trí vào Nam, tìm đường tiến thân. Chưa gặp được người tiến-cử, Đào-Duy-Từ phải vào ở chăn trâu thuê cho một nhà ở xã Tùng-châu, phủ Hoài-nhân (nay là Bình-định) tựa Bách-Lý-Hề đời Tần. Duy-Từ làm bài Ngọa-Long-Cương để tự ví mình với Gia-Cát-Lượng bên Tàu. Sau quan Khám-lý là Trần-Đức-Hòa tước Cống-Quận-Công biết Đào-Duy-Từ là người có tài, đem về nuôi, lại gả con gái cho, rồi đưa dâng Chúa Sãi. Chúa Nguyễn thu-dụng Duy-Từ, cho làm Nha-úy và Nội-tán, phong làm Lộc-khê-hầu. Đào-Duy-Từ giúp Chúa Sãi tám năm thì mất, thọ 63 tuổi.

Lũy Thầy, tức LŨY

Theo lệnh Sãi-Vương, năm 1631, Đào-Duy-Từ xây lũy Đồng-hới tức là cái trường-thành ở Quảng-bình bây giờ. Tên chữ là Định-Bắc Trường-thành mà thường vẫn gọi lũy là Lũy-Thầy để kỷ-niệm cái kỳ-công của Đào-Duy-Từ đã xây dựng.

Trước khi đắp lũy Đồng-hới, Đào-Duy-Từ đã thân đi xem địa-thế từ cửa sông Nhật-Lệ cho đến núi Hoành-Sơn.

Giải Hoành-Sơn có một ngọn núi cao tên là Đầu-mâu tỏa làm hai giẫy núi trùng trùng điệp điệp: một giẫy chạy thẳng đến sông Nhật-lệ, về địa phận xã Văn-la hay Cẩm-la, còn một giải kéo giài xuống bờ bể thuộc xã Phú-hội về phía Bắc.

ĐỒNG-HỚI

Hai giải núi tỏa hình như một cái càng cua vây bọc một cánh đồng - bằng bán - nguyệt, lầy lội, binh mã không qua lại được, nhất là về mùa đông, nước đồng ứ trê.

Đào-duy-Từ dùng quân-sĩ và dân-phu đắp một cái trường-lũy về phía Nam đồng-bằng để ngăn quân Trịnh. Lũy bắt đầu từ cửa Nhật - lệ vòng xuống Nam, rồi kéo giài sang tây cho đến sát giải núi Hoành-sơn. Trường-thành cao một trượng 5 thước (6 thước tây), ngoài đóng cột gỗ thông, rào kín, trong đắp đất, thành năm bực rộng, voi ngựa có thể riễu qua được. Chiều giài hơn 3 000 trượng tức là ngoài 30 lý (27.000 thước tây). Cứ cách 3 hay 5 trượng (12 hay 20 thước tây), dựng một cái chòi, trong đặt súng thần-công lòng rộng. Cách mỗi trượng (4 thước tây), súng hạng nhỏ và chất thuốc lại có súng, đạn cùng chiến-cụ.

Quân địch từ Bắc xuống Nam tất phải do hai đường: phía tây đường núi hiểm trở khó trèo, phía đông, đường theo dọc bể tức là đường quan báo. Còn ở giữa đồng bằng Đồng-hới lầy lội, không qua được.

Lũy Đồng-hới là một cái trở lực cho quân miền Bắc không thể theo đường bộ xuống nam được.

Nhưng nếu quân địch không đổ bộ ở hải-khẩu Nhật-lệ, mà theo đường thủy xuống quá phía nam, đặt chân lên bãi biển ở phía bắc Cửa Tùng, rồi đánh rồn quân Nguyễn từ nam lên bắc. Quân Nguyễn, trước mặt phải đương đầu với quân Trịnh, sau lưng mắc trường lũy Đồng-hới, còn lối đâu để tháo thân, tất phải ở trong tử địa.

Chiêu-vũ Hầu Nguyễn-hữu-Dật (1) đã nghĩ tới cái nguy-cơ ấy, cho nên năm 1633, sai đắp trên bãi bể ở giữa cửa Đồng-hới và cửa Tùng (Minh-linh hải môn), một bức lũy gọi là Trường-sa - Lũy, để trợ - lực phòng-thủ cho lũy Đồng Hới.

Một mặt, Nguyễn-cửu-Kiều, trấn-thủ Quảng-Bình, giồng một bức rào gỗ ngay cửa thuyền sông Nhật-lệ, để ngăn chiến bên địch không vào được.

Lũy Đồng Hới từ đó trở nên một nơi hiểm-yếu ngăn cách hai triều Nam, Bắc.

Nay ta thử xét xem công-dụng bức trường-thành trong thời-kỳ Nam Bắc phân tranh.

Nhà Trịnh thường tấn công vào cuối đông hay đầu xuân. Khi ấy không còn bão nhớn hoặc mưa to mà gió mùa đông-bắc rất tiện cho việc xuôi thuyền từ Bắc vào Nam. Lục-quân và hải - quân theo hai đường thủy, bộ, cùng nhau tiến xuống đến cửa sông Nhật-lệ, hợp lại, rồi đem hết lực-lượng tấn - công trên bộ và dưới nước. Nhưng trên bộ, quân Trịnh gặp lũy Đồng-Hới và lũy Trường-sa. Dưới nước, lại có thủy-quân nhà Nguyễn ứng-chiến, mà cửa sông Nhật-Lệ có đóng cọc và chăng giây xích, chiến-thuyền nhà Trịnh không dễ từ ngoài khơi đột-nhập được.

Nhật-Nham

Còn nữa

(1) *Người xã Gia miêu, huyện Tống-sơn tỉnh Thanh Hóa, học rộng, tài cao, văn hay, võ giỏi, thực là một bực văn võ kiêm toàn*

Thống chế PETAIN đã nói:

« Cần phải có uy quyền để bảo « vệ sự tự do của Quốc-gia nó « bảo-đảm cho sự tự do của cá- « nhân trước những cuộc kết « liên của các nhóm tư-lợi. Một « khi mà Chánh-phủ do dân cất « lên cầm quyền chính, thành ra « tù-nhân của những cuộc kết « liên kia, thì dân dầu có quyền « bầu cử cũng chẳng còn là một « dân-tộc tự do nữa ».

Góp vui

Tiếp theo trang 11

chưa được cái thói bất trắc của đàn bà!

Rồi hắn muốn đi nhưng chị hắn nắm áo giữ lại:

Nếu cậu không cho tôi đi theo cậu, thì tôi biết sẽ rủi-ro thế nào đây?

Nhưng Sơn Lương cố giằng tay chị hắn ra và đẩy ngã xuống đất. Bấy giờ cô đồ mới giật mình tỉnh dậy và biết rằng mình nằm mơ.

Hôm sau, cô đồ thấy chồng cưỡi con la trắng về, thì hết sức ngạc-nhiên.

Đêm hôm trước, thầy đồ cũng nằm mộng giống hệt cái mộng mà cô đồ kể cho thầy nghe.

Sơn-Lương chợt về thăm anh rể. Câu chuyện thứ nhất của hắn là.

— Đêm qua tôi nằm mơ thấy anh về mà ra anh về thật, tôi lấy làm lạ quá!

Phùng-Dương mỉm cười, nói:

Ấy cũng may mà cậu không choang vỡ đầu tôi bằng một hòn đá kếch sù.

Sơn-Lương nói

Sao anh lại biết?

Thế là ba cái mộng giống nhau như hệt, nhưng chẳng ai biết thiếu nữ ấy là người nào cả.

Vũ-văn-Lễ dịch thuật

ĐẤT-ĐẠI Ở DƯỚI QUYỀN ỦY-NHIỆM

Kiểm duyệt bỏ

Trái với các nhương địa, thuộc địa, thuộc quốc, các xứ bảo hộ và các đất trực trị

các đất-đai ở dưới quyền ủy nhiệm mới xuất-hiện từ sau cuộc Âu-chiến 1914-1918.

Kiểm duyệt bỏ

Theo hoà-ước Versailles ký ngày 28 Juin 1919, Đức bị tước hết thuộc địa, Hội-nghị hoà ước quyết-định không giao các thuộc địa ấy cho các nước đồng minh đã tham-chiến được sở hữu vĩnh viễn, nhưng uỷ các nước ấy được quyền quản trị.

Các thuộc địa Phi châu giao cho Anh và Pháp. Nhật bản được cử cai trị các đảo Marshall và Carolines.

Việc phân phát các thuộc địa nguyên của Đức không phải do hội Quốc liên, vì khi đó hội này chưa thành lập, nhưng theo điều 22 hoà ước Versailles, các thuộc địa ấy đều thuộc quyền hội Quốc liên kiểm soát.

Trong khi phân chia các thuộc-địa nguyên của Đức, hội nghị hoà-ước chỉ bằng cứ vào sự hi sinh về quân sự các nước đồng minh, chứ không chú ý đến lực lượng kinh tế các nước ấy.

Nước Ý không được hưởng một phần trong việc phân chia thuộc địa của Đức, nên vẫn không được hài lòng.

Các nước đồng-minh đã được ủy quản-trị thuộc-địa, hàng năm phải trình ủy-ban hội Quốc-liên một lần, về hiện-tình xứ mình cai-trị.

Các nước ấy được toàn-quyền hành-động trong công-cuộc khai-thác thuộc-địa để xứng với nhiệm-vụ mình. Về phần hội Quốc-liên chỉ giữ quyền kiểm-soát các thuộc-địa ấy thôi.

Dân-tộc cư-trú trong các nước ở dưới quyền ủy nhiệm không có quốc tịch, mà theo luật quốc-tế thì nước được ủy-nhiệm không được phép tuyển binh lính trong các thuộc-địa giao cho mình cai-trị, trừ xứ Togo và Cameroun của Pháp được hưởng một trường-hợp riêng không kể. Quan-thuế đều bình-đẳng, chỉ riêng Nhật-bản được thu thuế xuất-cảng và nhập-cảng tại đảo Carolines.

Ủy-nhiệm cai-trị thuộc-địa là một vấn-đề tạm-thời, nên đã bao phen, tại Genève, có những cuộc tranh-biện kịch-liệt, mục-đích rút thuộc-địa đã giao cho nước này để ủy nước khác cai-trị.

Một tình-thế trái với quyết-nghị đồng-minh là Hoa-kỳ tuy được ủy-nhiệm quản-trị các thuộc-địa trong Thái-Bình-Dương, nhưng hàng năm không phải trình hội Quốc-liên về hiện-tình các thuộc-địa ấy, vì Hoa-kỳ không dự hội Quốc-liên.

Kiểm duyệt bỏ một đoạn giải

Nhật-Nham

Tin quốc-tế

Kho Mỹ-thuật Pháp sẽ được Chính-phủ che-chở và việc xuất-cảng các tác-phẩm về Mỹ-thuật sẽ do Chính-phủ cho phép và giám-đốc.

Tại Hội-chợ Marseille (từ 1er đến 28 Septembre), sẽ trưng-bầy công-cuộc các truyền-giáo trên đất Thuộc-địa Pháp.

Một thứ chiến-xa hạng nặng chưa từng có đương sản-xuất tại Anh và lấy tên là chiến-xa « Le Churchill ».

Một hội-nghị các chủ tàu tải dầu hỏa đã họp tại Nữu-Ước để xét phương-pháp giúp Anh các tàu tải dầu.

Trong vòng sáu tháng vừa qua, Hoa-Kỳ sản-xuất các phi-cơ oanh-tạc gấp đôi trước để giúp Anh.

Phụ-nữ Anh sinh năm 1916 phải ghi tên ngày 2 Août 1941 để phòng-thủ quốc-gia.

Tại Slovaquie, mỗi tuần-lễ, hai ngày cấm ăn thịt.

Hiệp-ước Nga-Ba-lan sắp ký. Nga sẽ tha 300000 tù-binh Ba-lan bị giam-cầm từ Septembre 1939, để dùng vào cuộc chiến-đấu với Đức.

Quân Hoa-Kỳ đã đồ bộ tại Goergetown là Căn-cứ-địa của Anh nhường cho Hoa-Kỳ năm ngoái.

Tại Hoa-Kỳ, có đề-nghị hợp các sắt nhẹ vụn để dùng vào việc sản-xuất phi-cơ, chiến-xa, đạn được.

Kênh-đào Suez bị phi-cơ Đức ném tạc-đạn.

1300 công-nhân Ý đã từ Milan đáp hỏa xa sang Đức.

Trong các quân-đội Hoa-Kỳ có truyền-đơn khuyên phản-chiến.

Hoa-Kỳ và Anh đã tịch-thu tất cả tài sản của Nhật-bản tại hai nước ấy. Tài-sản của Chính-phủ Nam kinh tại hai nước ấy cũng bị tịch thu

TÙY HỨNG

Hưu quạnh

Nhà tôi cách một con sông trắng,
Đi qua đầu ghềnh đã thấy thôn.
Ngoài tiếng chim kêu, là vắng lặng
Một vài thuyền ghé bến chiều hôm.
Đêm đêm cô lái ra khơi hát,
Tiếng vẳng sông xa, lặng lẽ chìm...
Tiếng vẳng sông xa, trời bát ngát...
Âm thầm tôi lại sống trong im.

NGÂN-GIANG

Tiếng hồ than

Kiểm duyệt bỏ

Lắng nghe chuông điểm trên từng tháp
Ngân dài uyển truyền điệu du-dương,
Ta nhớ giăng soi miền rậm rạp,
Nhớ suối rừng lau đầy ánh vàng,
Nhớ bóng chim bay, bay bồng tít,
Nhớ giọng sơn ca, dịp gió đàn,
Nhớ khoảng non xa, sương mờ mịt,
Nhớ thông vi-vut dựng trên ngàn.

x

Hỡi đá chênh-vênh, hồn thảo-khấu!
Nặng trĩu vai ta một gánh sầu!
Thiên-chức đời ta là chiến-đấu,
Nay phải nằm co, khó ngóc đầu

x

Hỡi hang sâu thẳm trong màn cỏ!
Nhớ tiếng ta chang đuổi gió chiều,
Rón bóng hoàng-hôn sương nhòa phủ?
Những đêm khuya khuất, lặng cành tiêu,
Tiếng ta vang đập cây cùng núi
Như sóng ngoài khơi vỗ cánh mây:
Hào-quang kiếm-khách vung trong tối,
Điều thú mơ màng tỉnh giấc say

x

Trong chốn sơn-lâm, cùng-cốc nọ,
Chân ta in dấu biết bao đường
Những lúc bình-minh sương trùm cỏ,
Thảm ngọc căng dài đón ánh dương,
Tia sáng sườn non ta tắm gội,
Thu khí thiêng liêng, đinh tinh thần.
Diệu võ, dương oai, nhìn bốn cõi,
Gầm lên một tiếng, bụi vương chân,
Ta ra sức chạy thâm rừng núi,
Xé rào gai góc, bạt cành cây,
Hoa lá cuồng xoay, xoay túi bụi,
Chim chóc kinh hồn cất cánh bay,
Hiếu, nai, gấu, báo nghe sợ khiếp,
Vội nép sau đeo, ghé mắt trông
Bóng ta lấp-ló nơi cùng-kiệt,
Trèo non, vượt núi, nhảy qua sông,
Không nghỉ dừng chân quay gót lại...

x

Đâu đâu cái sức tung-hoành đó?
Cái vẻ oai-linh đầy khẳng-khái?
Cái cảnh vô-biên, nguồn tuyệt thú?

x

Ôi thôi! rực rỡ nay đã hóa
Thanh đêm om tối, lặng như tờ!
Dần-dần tên tuổi ta mờ xóa
Ở nơi rừng cũ, nước non xưa!

MINH-TUYÊN

Sử-liệu sống

Một chuyện từ sống (1)

NĂM Tân-tỵ (1881), niên-hiệu Tự-Đức thứ 34 trong ngục ở thành Hà-nội có gam nh ều tù trong phạm các tỉnh giải về, trong số ấy có cả một đám giặc 12 người.

Đầu tháng tư nam ấy, lũ 12 tên giặc ấy mưu với nhau phá ngục, đâm chết viên chủ ngục, rồi xông vào dinh quan án-sát (Thủ - khoa Kinh, người Hưng-yên). Ông này phải tháo cửa sau, bỏ chạy.

Lũ giặc ấy thẳng lối chạy ra cửa Nam để thoát thân. Rủi lại đi qua cửa nhà ông Phó bảng Nguyễn Long (2), th ủy-vệ quản-cơ.

Ông này cầm giáo ra đuổi, 12 tên giặc quay lại hỗn chiến. Cách một lúc lâu, ông Phó-bảng đã mệt, thì có ông Võ-cử Nguyễn-đình-Trọng hiện làm thất phẩm suất-đội, vác siêu-đao vào trợ chiến.

Lũ giặc phải bỏ chạy, hai ông liền đuổi theo. . Chạy đến gần Văn-miếu (G ám), ông Phó-bảng Long đâm chết hai đứa. Còn tên đầu đảng xưng là Đề-đốc (?) (người làng Võ-lao, huyện Thanh-oai) thì bị ông Võ-cử Nguyễn-đình-Trọng bắt sống đem nộp cho quan tỉnh

Vì tên này chủ mưu giết viên chủ ngục, nên các quan tỉnh phải đệ sớ về Kinh để x n nghĩ xử.

Vua Tự - đức xuống chỉ ban thưởng cho ông Phó-bảng Long và ông Võ cử Nguyễn-đình-Trọng mỗi người 50 quan tiền kẽm và một đồng tiền Long-văn bằng bạc, lại cho thăng tinh-binh ngũ phẩm cai đội. Các quan tỉnh là Tổng-đốc Hoàng Diệu, Tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng, Bố-chính Cao hữu-Xung, Án-sát Kinh, Đề-đốc Lê Trinh, Cuánh lãnh-binh Lê Trực. Phó lãnh-binh Hồ văn-Phong, Thủy sư lãnh-binh Nguyễn - đình - Khang đều phải giáng hai phẩm, tức là bốn cấp, nhưng được lưu-nhiệm. Còn tên giặc kia thì bị đem hành hình ngay.

TIÊN ĐÀM

(1) *Thuật theo nhời cụ Nguyễn đình Trọng kể lại.*

(2) *Coi Tri Tân số 6, trang 6, tiểu-sử ông Phó-bảng Nguyễn Long. Ông này hồi ấy có tiếng là người giỏi về côn quyền.*

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc tế

Nga, Tiệp mới ký hiệp-ước tương-trợ trong cuộc chiến-đấu với Đức.

Một đạo quân Bồ-đào-nha đã tải đến đảo Cap V ert.

Chính-phủ Anh định chính-thức công-nhận Chính-phủ Tiệp-khắc.

Đô-đốc Platon đã tới thăm các thợ Đông-dương không chuyên-môn tại Baumettes. Hiện còn 15.000 người lưu tại đó.

Thương-ước Đức-Thụy-điển đã ký để trao-đổi các thực phẩm và nguyên-liệu giữa hai nước.

Anh và Pháp đương điều-đình về số-phận đàn bà con trẻ tại Somalie thuộc-địa Pháp.

Đông-Dương

Ủy-ban Nhật-bản đã đáp phi-cơ sang Đông-dương để dự việc phân địa-giới giữa Đông-dương và Thái-lan.

Quan Toàn-quyền Decoux đã đáp phi-cơ từ Saigon về Hanoi sáng 21 Juillet 1941.

Quan-báo đăng sắc-lệnh duyệt-y dự-án sửa đổi quan-thuế Đông-dương.

Miên-hoàng Sihanouk cùng quan Khâm-sứ Thibaudeau đã tới thăm phòng triển-lãm Albert Sarraut và trường mỹ-thuật Cao-Miên.

Chính-phủ Pháp và Nhật đã ký hợp-ước tương-trợ trong việc phòng-thủ Đông-dương.

Xin lỗi

T. T. số 8 có sót nhiều phốt. Xin các bạn lượng thứ cho. Tựu trung có mấy chỗ cần cải chính: *Văn-học sử (trang 9, cột 1)*: «... lầm tướng nhà Trần», sửa là «... nhà *Tần*»; *Chuyện* thơ *(trang 18, cột 1)*: «... ấy mải ngủ», sửa là «... *cây* mải ngủ», «mà buồn...», sửa là «*ma* buồn...»; *Hà-nội xưa (trang 20, cột 2)*: 1882, sửa là 1881; *Hạnh-phúc gia - đình (trang 8, cột 3)*: «...nên biết thờ...», sửa là «...*nếu* biết thờ»... *Vương-Bột* (tr 7 c. 2) đâu nhà sửa là *đấu* nhà.

SẮP CÓ BÁN

NGƯỜI LỊCH THIỆP

Đặc - sản của

QUỐC - HỌC THƯ - XÃ

Một cuốn sách không ai bỏ qua được.

Một cuốn sách mà ai cũng phải có ở đầu giường.

Một cuốn sách mà ai cũng ưa đọc.

Dày trên dưới 150 trang, bìa hai màu, in mỹ-thuật, giá 0p 55

ĐƯƠNG IN

TÂM NGUYÊN TỪ ĐIỂN

Tinh hoa ngót 100 bộ kinh chuyện sử từ Việt - Hán

Dầy độ 300 trang

Giá 1p.40

BÁN GẦN HẾT

QUỐC SỬ ĐÍNH NGOA

Được dư-luận báo-chí hoan-nghênh nhiệt - liệt

Giá 0p.50

Thư và mandat để M. LÊ-VĂN-HÒE 16 bis Rue Tiên-Tsin — Hanoi

MẠN-HÒE (Manuel)

SAU khi đã lên ngôi cửu-ngũ, đức Gia-long không hề quên những công-thần đã vì nước vong thân mà đem cơ-nghiệp lại cho nhà Nguyễn.

Năm Giáp-tý, 1804, Gia-long thứ 3, Hoàng-đế xuống chiếu cho quan Tổng-trấn thành Gia-định lập tại làng Tân-triêm đền Hiển-trung mà người Pháp gọi là *Temple de « L'illustre fidelité »* hay *Pagode des Mares trong trại tinh « Ô-ma » ở đường* Frère-Louis tại Saigon bây giờ.

Đền Hiển-trung thờ 1015 tướng sĩ trận vong, trong số đó có một vị tên là Mạn-Hòe Chưởng-Vệ (1), thờ riêng hẳn ra một ban cùng với 220 bài-vị khác ở bên hữu.

Vậy Mạn-Hòe là ai, sự-nghiệp có những gì mà được biệt-đãi vậy ?

Mạn-Hòe tức là *Manuel*, vốn là người nước Pháp. do Bá-Đa-Lộc (Evêque d'Adran) tiến cử dâng cho chúa Nguyễn Phúc-Ánh (2).

Mạn-Hòe vốn chẳng phải là quan chức hay là người danh tiếng gì bên phương Tây (3). Ông chỉ là người theo đức thày Vê-Rô (4) làm bạn tàu sang Áo-môn buôn bán, rồi sau lại xuống tàu sang nước Chân-lạp (Cao-miên bây giờ). Vì đã quen biết đức thày từ trước, nên Mạn-Hòe xin theo giúp các việc trong nhà như nấu cơm và may vá. Vả, Mạn-Hòe có ý-tứ và đạo-đức, nên đức thày cũng đem lòng yêu thương. Thấy Mạn-Hòe thông-thạo việc đi bể và biết võ nghệ đôi chút, nên đức thày Vê-Rô giới-thiệu dâng cho chúa Nguyễn-Ánh để bổ-dụng vào việc chế-tạo khí giới và đóng tàu chiến theo phép bên Tây.

Thấy Mạn-Hòe đã lanh-lợi, lại có ý-tứ, chúa Nguyễn-Ánh thu dụng liền và phong cho chức Khâm-sai cai-cơ, quản Trung-khuông đội.

Theo các sử sách chép, thì chỉ biết Mạn-Hòe (Manuel) (5) là một người Pháp, song không thấy chép rõ là Manuel.

Sinh vào năm nào và thật họ là gì, nay không thể khảo được. Manuel chỉ là tên thánh thôi. Song, dù sao mặc lòng, cái tên Mạn-Hòe hay Manuel cũng vẫn là một người Pháp đã vì chúa Nguyễn mà tử tiết một cách can-đảm, không kém chi Võ Tánh tự thiêu trên lầu Bát giác trong thành Bình-định · cứu cho quân khỏi chết oan và làm cho vua Nguyễn khắc-phục thành Phu-xuân được mau chóng.

Bấy giờ quân Đông-Sơn theo cả về Nguyễn, lại rước chúa Nguyễn-Ánh về Gia-định và chúa Nguyễn đã xưng vương. Tháng 3 năm Nhâm-dần (mars-avril 1782). Tây-sơn Nguyễn văn-Nhạc và Nguyễn văn-Huệ tự Qui-nhơn thân đem hơn 100 chiến-thuyền vào cửa Cần-giờ, đánh nhau với quân Nguyễn-vương ở Thất Kỳ giang (Ngã-Bảy, gần Cap Saint Jacques). Nhờ được gió thuận, nước xuôi, thủy quân Tây-sơn ùa vào như nước chảy.

Thủy-quân bên Nguyễn đóng trong sông bấy giờ đã có tới 400 chiến-thuyền, 70 thuyền khách và một chiếc tàu đồng (trong ba cái tàu của người Bồ-đào-nha để lại (6). Chiếc tàu đồng này vốn là tàu buôn, song chữa lại thành ra chiến-thuyền, mà chúa tàu chính là Mạn-Hòe (Manuel) Trên tàu có 10 khẩu súng thần công hạng nhỏ và nhiều thủy-thủ toàn là người Gia-định cả.

Nguyễn-vương ha-lệnh cho thủy-quân xuất-binh kháng chiến. Chiến-thuyền Nguyễn-triều từ trong sông tiến ra, đi ngược cả nước lẫn gió. Thuyền Tây-sơn vào đầy cả ở cửa Cần-giờ, xúm vào vây chiếc tàu đồng của Manuel. Các thuyền khác bên Nguyễn không thể nào đến cứu được : các thủy-thủ trên tàu hoảng-hốt chạy nhảy cả xuống sông, bơi vào bờ cho thoát thân ; trên tàu chỉ còn lại một mình Mạn Hòe, tả xung, hữu đột, rất can-đảm. Quân Tây-sơn đã rút lui xa hai ba lần, song thấy trên tàu đồng chỉ còn có một Manuel, nên lại kéo đến vây kín. Manuel vẫn chẳng ngã lòng và giữ một thói quen và tinh thần của người Pháp là đánh cho đến lúc chết. Hễ người nào bên Tây sơn nhảy sang tàu đồng thì bị chém chết ngay. Sau vì họ nhảy sang nhiều quá, ông chỉ có một mình, không sao lái tàu mà cự địch được nữa Trong lúc tàu đã đầy những quân địch, ông liền xuống hầm tàu, tới kho chứa thuốc súng phóng hỏa đốt, làm cho tàu bị nổ và vỡ nát, quân địch chết hết và những thuyền địch vây chung quanh cũng phát hỏa cháy và chết nhiều.

Sau trận này, thiên hạ khen Manuel là đại anh hùng. Vua Nguyễn

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiềm

Chef de clinique des maladies cutanees et Syphilitiques à l'École de Medecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sang : 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều : từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TEL. N° 15.38

lấy làm thương tiếc lắm, truy tặng là Hiệu-nghĩa công-thần, phụ chính thượng tướng quân (7) An-hòa hầu.

Đồng thời với Manuel còn một người Pháp nữa, tên là Joang (Jean) cùng Mạn-Hòe giúp chúa Nguyễn và cũng đã lập được nhiều chiến công. Joang vốn thiện nghệ về chiến pháp bằng lựu đạn, nên mỗi khi quân Tây-sơn thấy thứ binh khí « quái quỷ » ấy thì đã vội chạy. (8)

Theo trong *Đại-Nam liệt-truyện chính-biên sơ-tập* (9) chép, thì hồi năm Quý-mão (1783), lại còn một tên nữa là Ma-nộ-ê cùng với Đa-đố-bi Januario?) phụng mạng vượt bể sang Lữ Tống, cầu viện binh, song gặp thuyền Tây sơn, đều bị hại cả. Cứ như *Liệt-truyện* đã chép, thì Ma nộ ê đây là người Y pha-nho, không thể nhầm lẫn với Man-Hòe (Manuel) là người Pháp được.

NGUYỄN TRIỆU

(1) *Bulletin de la Societe des Etudes indo-chinoises tome XV, p. 55 pl. 2 Bulletin de la Société des Amis du Vieux Hue, 1927, tome XIV, p. 214.*

(2) *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 28 tờ thứ 8.*

(3) *Sử ký Đại Việt-Nam qua các triều xuất bản tại Sa gon năm 1898 trang 36.*

(4) *Thời bấy giờ người trong Nam gọi Ba Đa Lộc (evêque d'Adran) là Đức thầy Vê Rô hay Cha Cả.*

(5) *Sách Cours d'Histoire Annamite, Trương Vĩnh Ký, trang 212, chép là Emmanuel.*

(6) *Les Espagnols dans l'Empire d'Annam par Lorenzo Perez (theo bản dịch trong Bulletin de la Société des Etudes indochinoises tome XV, p. 61.*

(7) *Đại Nam chính biên thực-lục nhất kỷ quyển đầu tờ thứ 16.*

(8) *L'Annam et le Cambodge C. E. Bouillevaux trang 381.*

(9) *Quyển 28, tờ 8 và 9 . . . kỳ đồ hữu danh Mạn-hòe giả, danh Đa đột giả, danh Ba-ni-ê giả, danh Ô-li-vi giả (tức danh Tín), danh Lê-văn-Lăng giả, đại Phu Lang-sa nhân dã; danh Đa-đố-bi giả, danh Ma-nộ-ê giả đại Hi-ba-nho nhân dã, Đa-đố-bi, Ma-nộ-ê diệc danh Đa Lộc hiệu dụng, mệnh hàng hải như La-Tống cầu trợ binh, đồ ngộ Tây-tục binh thuyền, vi sở sát.*

Kỳ sau :

Ảnh-hưởng văn-chương Pháp trong văn-chương Việt-Nam LÊ-THANH

Đốt sách khiêu dâm

tiếp theo trang 8

thế bà sẽ là ân-nhân của các gia-đình.

Các bậc phụ huynh, các nhà giáo ! Các ngài, ngoài giờ học của con em, nên để ý tới những sách chúng đọc. Phải kiểm điểm một cách chặt chẽ, phải luôn ngó qua những giờ nhàn rỗi của chúng. Những bông hoa tươi đẹp đó đừng để chúng tàn trước khi nở ! Những hi-vọng tốt đẹp của đất nước ấy, các ngài đừng để chúng lạc đường !

Hỡi các nhà cầm bút chân-chính ! tôi kêu gọi sự tận tâm của các bạn. Trên mặt báo, các bạn hãy đem hết những sách dâm-ô ra mà phê bình một cách vô tư, đanh thép và ác-nghiệt. Quyển nào đáng đem làm mồi cho thần lửa, các bạn hãy ghi lấy Rồi sau chúng ta hợp lực tổ-chức một ngày đốt các sách nhảm tai-hại mà chúng ta đã phê-bình như thủ tướng đảng Quốc xã bên Đức đã bài trừ những sách trái với tôn-chỉ đảng.

Làm như vậy, không những tẩy uế được làng văn, làng báo, trừ được một tai-hại lớn cho xã hội, mà chúng ta còn khuyến khích được một số đông những ngòi bút tự trọng và quý giá.

Chúng ta lại còn nâng cao được giá trị cái nghề cầm bút của chúng ta, mặc dầu nó là một nghề bạc-bẽo, không đủ nuôi sống người đang phụng-thờ nó ; nhưng chúng ta đã nguyện với lương-tâm : Khi bước chân vào nghề, đem hết năng-lực, hết lòng hăng-hái, hết chí quả-quyết mà theo đuổi một cách trang-nghiêm.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Đại học Trung dung

Tiếp theo trang 6

Mong rằng ông Lê nên sửa lại cho thật đúng để khỏi dẫn những người hậu-học vào con đường xa với nguyên-văn thì thật là một việc may lớn cho học-giới nước nhà.

Lại mong ông nên đổi lại cái nhan sách, để rõ là : *« Bản dịch Đại-học, Trung-dung »*, chứ đừng nêu cái tên *« Nền luân-lý việt-nam »* như thế, kẻo làm độc-giả nhận lầm !

HOA BẰNG

(1) *Editions Lê-chi, Saigon, giá 0p35.*

(2) *Doctrine de Confucius ou Les quatre livres de Philosophie morale et politique de la Chine, traduits du chinois par M. G. Pauthier, librairie Garnier Freres, Paris, 1921.*

(3) *The Four Books, with English translation and notes by James Legge, D.D., LL.D — The chinese book company-Shanghai, china.*

(4) *L'invariable milieu transcrit en caracteres latins et traduit en annamite vulgaire par Pétrus Trương vĩnh Ký. Saigon collège des stagiaires. 1875-In folio 205.*

Đại-học — Chữ nho dịch ra quốc-ngữ, tựa chữ pháp ký tên Trương vĩnh Ký, (Saigon 5 Octobre 1887) in folio viết tay, 87 trang.

(5) *Hà-ngọc-Thụ và Nguyễn văn-Đang xuất bản, in tại nhà Tân-Dân, 1933.*

(6) *Nhiều bản, theo Trình-tử bảo «Thân dân nên sửa là tân dân » đều dịch là* làm mới lại nhân-dân. *Chính M. G Pautier cũng dịch theo nghĩa « tân dân »* : «... renouveler les hommes ». *Nhưng, theo Vương-Dương-Minh, thì cứ để là « thân dân » mới đúng hơn.*

(7) *Coi Đại-học tờ 1b trong bộ* Tứ-thư thể chú *của Phạm Tử-Đăng (khắc lần thứ hai năm Quang-Tự Mậu-dần, Việt-đông Phúc-văn-Đường tang bản) và* Đại-học *tờ 2a trong bộ* Tứ thư vị căn lục *của Kim-thu-Đàm (in lại năm Đồng-trị Giáp-tuất Sán-hoa ngâm-quan trân-tang).*

(8) *Coi* Đại-học *trong* Tứ thư thể chú *tờ 2b ;* Đại-học *trong* Tứ thư vị-căn lục, *tờ 5a.*

(9) *Tôi đọc « Vương-dương-Minh » đã lâu, nay chỉ nhớ mường-tượng rằng Vương giải nghĩa tri tri là tri cái lương-tri của mình. Nay muốn tra lại, song không sẵn có sách. Vậy xin nhờ các bạn đọc làm ơn chỉ giùm cho, nếu thấy rằng tôi nhớ không đúng.*

VĂN TẢN ĐÀ

THÙY THIÊN

VĂN Tản - Đà không mấy người không đọc. Nhưng được nhiều người đọc hơn cả, phần nhiều là văn vần, vì van vần đọc lên vui miệng, êm tai, ai cũng đều thích. Cho nên văn vần của Tản-Đà tiên-sinh đến nay hầu như thông - quốc, câu phong-dao, điệu từ-khúc, bài hát nói, hát lý, hát sầm, câu du em, rậm đò, hái dâu, ta thường khi nghe vẳng bên tai.

Kể ra từ xưa đến nay, văn vần mà viết được nhiều lối như văn Tản-Đà thực cũng hiếm có. Dẫu rằng các bài van vần phần nhiều là văn chơi, nhưng chơi mà có ích, vì độc-giả muốn di-dưỡng tinh-tình còn gì bằng đọc những áng văn có những tư-cách tả sau đây :

Nhời văn chuốt đẹp như sao băng,
Khi văn đi mạnh như mây truyền ;
Êm như gió thoảng, tinh như sương,
Đằm như mưa sa, lạnh như tuyết. »

Huống chi văn vần của Tản-Đà không hẳn là văn chơi. Xem bức thư của Chu-kiều-Oanh gửi cho Tản-Đà trong quyển « Giấc mộng con» có câu: « Văn-chương có trọng-giá, không phải là một sự chơi riêng trong ý-thú, không phải là một sự đùa vui trong phẩm-bình, mà phải có bóng mây, hơi nước đến dân-xã» thì biết rằng Tản-Đà đã từng vị đời mà viết văn. Bởi thế mới sản-xuất ra được những câu văn có tư-tưởng ưu-thời mẫn-thế như sau này :

Kiếm duyệt bỏ

Mậu thìn xuân cảm

« Cuộc thế xoay quanh đặt một hòn,
Sông chưa cạn đó, núi chưa mòn,
Dân hai nhăm triệu ai người lớn ?
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.
Cảm cảnh khói mây mờ mặt biển,
Lo đời sương tuyết bạc đầu non.
. . . . . »

Phong giao (bờ hồ)

Bờ hồ những gió cùng giăng,
Những giăng cùng gió lăng-nhăng sự đời !
Ai lên ta hỏi ông Giời :
Bày chi giăng gió ? cho người

Hát sầm

« Ngoảnh trông lên, anh đếch thấy có ra gì ; Ai bảo giăng sáng, anh chỉ thấy tối sì cái bóng đen đen. Hội chùa Thầy còn đương lúc đua chen. Mau chân thời tới hễ ươn hèn thì xa. . . . . »

Kiểm duyệt bỏ

Văn vần của Tản-Đà như những câu trên này có thể gọi được là có bóng mây hơi nước đến dân xã, nhưng dẫu những câu không được như thế cũng không phải là tầm-thường.

Đọc qua mấy quyển « Khối tình con » thì biết rằng nhiều bài có thể sánh được với những hạt ngọc, phiến ngà đã công-phu đẽo chuốt, chạm trổ. Van đã hay, tư lại lạ, một cái cấu từ cũng đã đủ xuất chúng siêu quần. Muốn nhận rõ cái hay, cái lạ ấy ra thế nào, thì nên đọc kỹ những bài « Hầu Giời », « Cảm-thu », « Hỏi gió », «Thề non nước », « Nói chuyện với ảnh », « Nói chuyện với bóng » cùng mấy bài « Thư gửi cho người tình-nhân không quen biết » vân, vân ..

Đời nay mà đương nổi hai chữ « thi sĩ » có lẽ mới có Tản-Đà vì phải có cái óc vơ-vẩn như cái óc của Tản-Đà mới gọi được là « thi-sĩ ». Thực lắm cái như không, như có, vẩn-vơ vơ-vẩn mà đúc được nên thơ mới là thơ.

Kể nổi tiếng hay thơ thì gần đây có ông Tú-Xương và ông Yên-Đỗ, nhưng đem ông Tú-Xương, ông Yên-Đỗ mà sánh với ông Tản-Đà thì ông Tản Đà hơn nhiều Văn ông Yên Đỗ dẫu hay cũng chỉ có cái giọng kiêu ; văn ông Tú Xương dẫu hay cũng chỉ có cái giọng sược. Vậy đối với đời mà chỉ kêu với sược thì có ích chi cho đời.

Nhưng văn Tản-Đà hay, không những chỉ hay ở văn vần ; văn xuôi của Tản-Đà cũng là văn kiệt-tác. Cho nên vì văn vần mà tặng Tản-Đà hai chữ « thi-sĩ » thì vì văn xuôi mà phải tặng Tản-Đà những chữ « triết-học-gia », « tâm-lý học-gia », « đạo-đức-gia ».

Muốn biết giá-trị van xuôi của Tản-Đà, tưởng nên đọc kỹ quyển văn thuyết-lý « Khối-tình », quyển tiểu thuyết « Thần-tiên » và hai quyển « Đài gương kinh », « Đài gương truyện ». Nay tôi trích ra đây mấy bài hoặc mấy đoạn trong những quyển ấy để độc-giả ý hội.

Bài « Đánh bạc » *trong quyển* Khối-tình » :

« Trong đời người, sáu, bảy mươi năm, bao nhiêu cảnh thuận, bao nhiêu cảnh nghịch, bao nhiêu cái sướng, bao nhiêu cái buồn,

bao nhiêu lúc cười, bao nhiêu lúc khóc ; nhưng ngồi mà nghĩ, chỉ như canh bạc chơi một đêm.

« Ngồi vào bàn bạc mà chơi, ai không muốn được. Nhưng sao cho được mà không thua. Thua rồi lại được, được rồi lại thua, đỏ đỏ đen đen, lên voi xuống chó. Trong năm canh hì-hục, được hằng vui, thua dễ bẩn, thường tình ai cũng như ai. Giời chưa sáng, đêm còn dài, thời đồng tiền trong tay, nhiều cũng chưa hẳn có, hết cũng chưa chắc không. Tất đến lúc đứng dậy ra về, còn gì mới là được.

« . . . (giữa lược) . . . .

« Này ai ơi ! Thử trèo bức tường đỗ, trông quãng đồng xa, mồ con mả lớn, chỗ năm chỗ ba, chẳng quan thời dân, chẳng trẻ thời già, trước cũng người cả, bây giờ đã ma ! Nào tiền nào của, nào cửa nào nhà, nào con nào vợ, nào lợn nào gà, nào câu đối đỏ, nào mành-mành hoa, nào đâu đâu cả ? mà chỉ thấy sượng mù, nắng dãi vớ mưa sa ! Cuộc nhân-thế từ xưa mãi thế, làng chơi ta phải biết, trăn năm khôn dại dễ ru mà ? »

Bài « Đối với chồng »

(*chữ Trinh lúc thường*)

trong quyển « Đài gương kinh »

« Tinh-hạnh của người đàn-bà có một cái trọng nhất là chữ « Trinh » ; đạo người đàn-bà đối với chồng có một cai trọng nhất cũng là chữ « Trinh ». Trinh nghĩa là chính-chuyên. « Chính » thời không có gian-tà, là giữ lấy tính hạnh của mình cho nhất đức ; « chuyên » thời không có lòng nào với người khác, la giữ lấy tình nghĩa với chồng cho nhất tâm. Một chữ trinh của đàn bà, từ xưa đến nay, cả đông lẫn tây, đời nao cũng phải qui, nước nào cũng phải chuộng.

« . . . (giữa lược) . . .

« Than ôi ! Trâm cài, lược giắt, ai kém chi ai ; chút trinh kia nếu đã không còn thời thiên-ha xem ra rẻ giá. Đàn bà muốn có giá, trước nên qui chuộng lấy chữ trinh ».

Bài tựa *trong* « Đài gương truyện »

« Phàm dân trong một nước,
Một nửa là đàn-bà ;
Kể từ con gái bé
Cho đến bà cụ già
Đều là người của nước,
Mà lo việc trong nhà.
Nhà nào đàn bà hay,
Thịnh-vượng mà vui-hòa.
Nhà nào đàn-bà hư,
Lụn-bại và xấu-xa.
Đây là truyện người Tầu
Dịch ra chữ nước ta ;
Trên từ vợ vua, quan,
Dưới đến nhà dân-gia.
Mẹ hiền dạy con-cái ;
Con hiếu với mẹ cha ;
Vợ hay càng lắm vẻ,
Đạo tam-tùng hòa ba,
Ngoài ba đạo chính ấy,
Nhiều truyện còn thiết-tha.
. . . . . »

Bài tựa là văn vần, nay trích mấy câu trong bài tựa không phải là để giới-thiệu văn mà thực là để độc-giả đọc mấy câu tóm tắt thì biết trong quyển « Đài gương truyện » có những truyện gì vậy. Như trong bài tựa đã nói, quyển « Đài-gương-truyện » chỉ là quyển truyện những đàn-bà Tầu đã nổi tiếng vì trọn đạo làm mẹ, làm vợ, làm con gái cùng là nổi tiếng ngoài đạo Tam-tùng. — Nay sợ trích ra đây một vài truyện thì quá dài giòng nên mới phải trích mấy câu ở tựa.

Mấy câu dẫn *trong quyển* « Thần Tiên »

« Hai cô con gái nhà ai ?
Mặt hoa da phấn như người đúc nên.
Hỏi ra không họ không tên,
Đem thân mệnh bạc quanh miền bể Đông.
Nợ đời giả mãi không xong,
Trăm năm tạc một chữ đồng cùng ai.
Nỉ-non đêm vắn tình dài ».

Mấy câu dẫn trên này cũng viết bằng văn vần, nhưng cũng không phải vì là văn vần mà trích ra đây, chẳng qua chỉ để giáo-đầu câu truyện tự-tình của hai chị em đồng bạc. Em thì oán đời, trách đời ăn ở bạc với mình ; chị thì bênh đời, bảo rằng chính đời đáng giận mình, oán mình, trách mình vì mình làm hại đời, bao nhiêu những tội ác, những sự ô-uế ở đời là lỗi ở như mình cả. Nói đi, cãi lại dài tới ngót 60 trang, lý-luận gồm đủ triết-lý, tâm-lý cùng đạo-lý. Kể như ở vào thời buổi hoàng kim này, quyển « Thần Tiên » thực là có ích cho đời lắm, giá có in ra hàng triệu quyển, có lẽ cũng không phải là nhiều.

●

Nói tóm lại, chỉ đọc bài « *Đánh-bạc* » và bài « *Chữ Trinh lúc thường đối với chồng* » cũng đủ biết cái giá-trị văn xuôi của Tản-Đà. Văn viết một cách đột-ngột, hùng mà vui, nghe như gió giật, mưa dào, thông reo, nhạc họa ; tứ sâu mà cao, tưởng thăm-thẳm như đáy bể, vòi-vọi như đầu non, nếu không tế-nhận từng chữ từng câu thì không thấu được cái thâm-ý của tác-giả, Song, những cái uyên-thâm ấy, nói trong một bài bình-phẩm sao xiết ; có xiết được họa chỉ trong một buổi họp chuyện để phẩm-bình.

Kể về đường công-dụng thì văn xuôi của Tản-Đà có lẽ ích cho đời nhiều hơn văn vần, còn về đường nghệ-thuật thì hai đằng ngang nhau vì đều là văn kiệt-tác.

Cứ lấy cái văn-tài ấy mà viết cho thật nhiều sách, tưởng có ích cho đời chưa biết đến đâu là cùng ; song, tiếc rằng Tản-Đà lầm đường, dùng sai cái sở-trường của mình, nên lao-tâm lao-lực vì báo-chí đã lắm phen mà kết quả vẫn không được mỹ-mãn.

THỦY-THIÊN

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 8

MẬU-HỢP nhìn nàng, cười gằn :

— *Ái-khanh* cho trẫm là bạo-chúa cũng được. Nhưng mọi việc trẫm đều xếp đặt đâu ra đấy: giặc có vào cõi, đã cử các tướng đem quân ra đánh; luôn luôn trẫm phải điều-khiển cách hành binh. Còn trong cung, trẫm quản trị rất chu-đáo. *Ái-khanh* muốn biết Đông cung ốm thế nào không? Lát nữa, *Ái-khanh* tất rõ. Nàng không ốm. Để trẫm bảo thái-giám rước nàng vào đây. Chính nàng muốn trẫm được gần *Ái-khanh*, nên mới bày kế để mời *Ái-khanh* đến. Nàng đã muốn thế, tất rồi Thường quốc-công cũng bằng lòng. Vì lòng giời muốn vậy, Giời muốn trẫm và *Ái-khanh*, chúng ta cùng gầy một khúc đàn hòa hợp...

Mậu-Hợp nói rồi mỉm cười, chực sấn lại ôm Bạch-y nương. Nàng ầy mạnh ra và hét lên rằng:

— Bớ tên hôn-quân kia, bay có thể lừa dối ta, nhưng chớ có động vào mình ta! Động vào, bay sẽ bỏ mạng! Gái trinh-liệt chỉ có một chồng, dù thịt nát, xương tan, cũng vẫn một lòt lòng băng truyết! Bay chớ có mơ tưởng hão mà uổng một đời!

Nàng hung hăng phá cửa chạy ra, mồm còn vẫn nói:

— Đứa nào động vào ta, thì chết ngay lập tức!

Ra ngoài phòng văng-vẳng nàng còn nghe tiếng Mạc-đế:

— À, con quái-ác này to gan thật. Trẫm giết Văn-Khuê, rồi hẳng bắt mi cũng chửa muộn gì!

II

Khi Bạch-y-nương đã dặn dò kỹ-càng viên tỳ-tướng thân-tín là Bùi Tuyền và viên này đã đi rồi, nàng mới vào thư-phòng đốt to ngọn bạch lạp trên yên-thư. Ngồi đăm đăm nhìn ngọn lửa rung rinh, óc băn khoăn nghĩ ngợi cái việc vừa xảy, nàng cảm thấy một tai họa tầy đình sắp đến cho nàng, cho chồng nàng! May nàng đã nghĩ kịp kế đối phó.

Lần này hơn lúc nào khác, nàng thấy yêu thương chồng gấp bội. Chồng nàng đã là một người tài giỏi, mà lại là một bậc chân quân-tử, quân tử ở hành-vi, ở cử-chỉ, ở ngôn-ngữ và ở tư-tưởng nữa. Người như thế mà tận-trung với một hôn-quân chực chiếm cả vợ mình! Không biết chàng có khi nào ngờ thế? Nghĩ đến đấy nàng lại càng tức giận em. Nàng nhớ lại rành mạch những cử-chỉ nhẫn-nhục lố-lăng của Đông-cung, những khi tiếp nàng trước mặt vua Mạc. Nếu không có ý khác, thì khi vua Mạc ăn nói sỗ sàng với nàng, Đông-cung đã không can ngay hay tỏ vẻ khó chịu thì chớ, sao lại còn sung sướng vui mừng? Nàng lại nhớ những khi hai chị em trò chuyện, Đông-cung tỏ ra sung sướng và luôn luôn ca tụng Mạc-Hoàng khoan-dung nhân trí Nàng không còn thể không tin cái kế hoạch kia là chính tự em nàng bày ra Nàng nghĩ bụng :

— À ra con này sợ mất lòng yêu của Mạc-hoàng, nên bày mưu kéo cả ta vào, để cố giữ quyền chính trong cung! Nhẫn tâm đến thế là cùng!

Nàng liền lấy giấy bút viết cho Đông-cung bức thơ này :

« *Em,*

« *Chị không muốn xưng-hô em là Hoàng-hậu, hay Đông-cung, hay Quốc-mẫu làm gì nữa. Nói ra thẹn mồm, viết ra thẹn bút! Chị không ngờ em lại vô liêm-sỉ đến như vậy. Em tiếc địa-vị của em, tham vinh hoa phú quý mà nhẫn tâm bày mưu lừa chị để giúp bạo-chúa làm càn, chực đem bẫy lợi danh mà hãm chị vào vòng ô-nế! Nhưng khi nào chị mắc! Xử tâm như thế, rồi một ngày kia họ bảo giết cha, giết anh em, giết cả họ đi, để giữ lấy ngôi cao chức trọng, chắc cũng nghe theo, không từ! Chị rất lấy làm xấu hổ : giống nhà ta lại có một người như vậy!*

« *Nhưng này chị bảo! cho em mưu trí lừa lọc thế nào đi nữa, chị cũng vẫn chỉ là vợ Bùi-văn-Khuê. Trước sau vẫn chỉ có một Bùi-văn, Khuê là chồng chị. Bùi-văn-Khuê ôi, con người chân chính, quân-tử-hào-hiệp, phi thường! Con người ấy còn là « thần thánh » soi xét cho những kẻ gian tà, cơ tâm ôm ấp những dục-vọng đê hèn!*

« *Vậy chị phải dời bỏ chốn này, dời bỏ để đi theo chồng chi, chị thách những kẻ lập tâm chiếm đoạt không thành, lại còn đe dọa đấy. Chị thách những kẻ ấy đem mưu trí quyền thế mà trị tội vợ chồng ta ở nơi phương giời xa cách! Và này, chị nói cho em biết, lần này là lần cuối cùng chi viết thư cho em. Nếu sau này chị em ta còn sống trên đời, chi cũng không cần nghĩ đến em, không thèm biết có em nữa.* »

Viết xong, nàng niêm-phong cẩn thận, rồi giao cho một nữ-tỳ vẫn ra vào trong cung, dặn hôm sau phải mang vào sớm dâng cho Đông-cung Hoàng-hậu. Đoạn, nàng với bao kiếm treo trên tường, để lên yên-thư, rồi sắp sửa áo quần nai nịt.

Qua canh hai, một tên gia-nhân thân-tín và lực lượng dắt hai con ngựa đến. Nàng và con là Văn-Chương lên một ngựa, tên gia-nhân cũng phóng ngựa theo sau.

Đêm đã khuya. Bốn bề im phắc.

Rễ cũng không kêu nữa. Cây cối đứng yên. Không có gió. Khí giời lạnh lẽo. Trên không, mây kéo đen nghịt phía giờ tây. Phía đông lấm-tấm còn ít sao lấp lấy... Hai người cho ngựa đi thong thả ra đến cổng thành ngoài. Hai tên lính gác không chịu mở cổng thành. Bạch-y-nương tuốt kiếm chém luôn hai nhát đứt đôi, hai đứa chết không kịp thở. Rồi nàng mở cổng thành. Hai người ra roi phi ngựa. Trong đêm khuya tĩnh mịch, chỉ còn vẳng tiếng chân ngựa lộng cộp cộp! Được ít lâu đã đến bến Thúy-Ái, mội dẫy năm chiếc thuyền đại, đủ các chân sào và võ-sĩ, đã đợi sẵn ở bến. Bùi-Cần rước nàng và Văn-Chương xuống thuyền tên gia-nhân cũng theo xuống. Hai con ngựa đành bỏ rong lại trên bến

Thuyền đã ra giữa giòng. Nàng ra lệnh cho các võ-sĩ thay phiên nhau, hết sức chèo. Nam con thuyền băng băng rẽ sóng đi như gió. Ở đầu mũi thuyền có treo lá cờ to thêu chữ « *Bùi Đại-Tướng* », nên qua bất cứ đồn ải nào, thuyền cũng vẫn ung dung vượt sóng, không ai dám hỏi.

III

Thuyền đi hai ngày đến sông Nguyệt-quyết, nơi thủy-quân của Bùi Văn-Khuê đong Nàng đến rất đột ngột, nên trong quân không mấy người biết. Đến khi vào Mạc-phủ (1), Định-tây-hầu sửng sốt, hỏi :

— Cớ sao phu-nhân lai vào hấp tấp vội vàng thế? sao không báo cho tôi biết trước để ra đón? À, phu-nhân không biết tôi sắp sửa hồi Kinh à?

Bạch-y nương cũng hơi ngạc nhiên, hỏi :

— Hồi Kinh à? Sao vậy?

— Không sao cả Có chế của Hoàng-thượng gọi về.

Nàng hiểu ngay, nhưng cũng cứ hỏi :

— Hoàng-thượng gọi về à? Đưa cho tôi xem tờ chế, nào!

Bùi Văn-Khuê giơ tay lên giá sách, cầm tờ chế đưa cho nàng. Nàng mở ra xem :

« *Thừa thiên hưng vận, Hoàng-đế chế rằng :*

« *Cùng nước hưởng vui, kẻ tài giỏi phải ra công phò chúa ; nhiều công phải thưởng có, quốc-gia cần nghĩ đến đền ơn. Nay cử Định-tây-hầu Bùi-văn - Khuê, trí sánh Tôn, Ngô, tài ngang Quản, Nhạc, một lòng vì nước, kẻ phần trung thật hết dạ trung, trăm trận có thừa, kẻ làm tướng rõ ra mặt tướng! Đánh đông, dẹp bắc, công cũng đã nhiều Nay đó, mai đây, thân chưa được nghỉ.*

« *Vậy nghĩ đến huân lao, đặc lệnh hồi Triều chịu ơn khen thưởng. Lập tức tuân hành! Khâm tai!*

« *Hưng-trị, năm thứ ba, tháng chín, ngày hai mươi bốn.*

« *Thủy-quân Đại-tướng tiên-phong Định-tây-hầu, Bùi Văn-Khuê giữ lấy* ».

Nàng xem xong, ngẩng hỏi chồng :

— Tờ chế này đến từ bao giờ?

— Vừa tiếp được lúc sáng. Tôi sắp sửa mai về sớm. Giá phu-nhân đến muộn một ngày thì lại không gặp. Nhưng sao phu-nhân lại đi vội vàng vậy?

Bạch-y nương bảo chồng đuổi hết kẻ hầu cận tả hữu ra ngoài, rồi mới khẽ nói vào tai :

— Hễ về Kinh thì chết đấy!

Văn-Khuê hết sức kinh ngạc, nhăn nhó hỏi :

— Thế là nghĩa làm sao, tôi không hiểu! Tôi *về kinh thì chết*. Còn phu-nhân thì hấp tấp vào đây! Sao vậy?

Bạch-y nương mới đem thuật hết cho Văn-Khuê nghe những chuyện vừa xảy ở Kinh mấy hôm trước và ý định của Mạc Mậu-Hợp thế nào. Chàng chống tay xuống yên sách, hai mắt đăm đăm, lắng tai nghe chăm chú lắm. Nét mặt cứ biến dần : từ tươi tỉnh đổi sang sám, rồi biến ra đỏ như gấc. Khi nghe nàng kể xong, chàng không nén nổi cơn tức giận, nắm tay đập thình thình xuống yên sách và hét lên :

— Như thế thì tức lắm a! Chó má thật! Chó má thật! Ta phải báo thù nó mới được.

Nàng phải can ngăn, khuyên giải, xin van mãi mới nguôi được cơn giận của Bùi Đại-tướng.

Nàng thong thả âu yếm nói :

Kể thì cũng đáng tức giận thật! Nhưng việc đã qua rồi. May mà tôi nay đã ở đây, tướng-quân chưa kịp về. Thế là giời tựa chúng ta lắm đấy. Vậy ta không nên hung hăng quá cho quân lính biết rõ âu tình của ta mà rồi khó xử. Lúc này cần nhất ta phải trấn tĩnh mà nghĩ mưu kế chống lại với cả Triều-đình. Cái tội chúng ta đối với Triều đã rõ rệt : Tướng-quân có chế gọi mà không về ; tôi đã chốn khỏi kinh thành và giết hai tên lính gác. Những cớ ấy họ có thể cho ta là « đại nghịch bất đạo » mà đem quân chu giệt ta được!

— Nhưng mà ai làm ra tội ấy đã chứ? Rõ đồ hôn-quân bạo-chúa cậy quyền thế làm sằng, lại còn chực đổ tội cho ai!

— Ấy thế mà người ta vẫn tri tội mình đấy! Công lao mình, người ta có nghĩ đấy vào đâu đâu! Tà tâm không thỏa, người ta chỉ cốt kiếm kế hãm hại mình ngay tức-khắc! Điều cần thiết bây giờ là chúng ta phải có cách tự-vệ để tránh khỏi hình phạt của Triều-đình! Phải làm rất gấp và đứng cho quân-sĩ biết.

Còn nữa

(1) *Mạc-phủ là nơi ông tướng đóng.*

Ngô-thế-Lân

Tiếp theo trang 4

Tháo lui bạn mấy hươu nai,
Sườn non lều cỏ nằm dài (Khổng-minh) ;
Làu làu bác sử cùng kinh,
Họ Phục-hi ấy là mình ước mong.
Ai hay danh, lợi ngoài vòng,
Trẻ này góp mặt non sông bao giờ?
Gật đầu ngẫm-nghĩ người xưa.
Biết rằng bậc ấy há lừa dối ta.
Tuổi xanh thấp thoáng bóng qua,
Truyện đời ngảnh lại gần xa quên rồi.
May thay, ràng buộc gác ngoài,
Tự an cho dạ Vô-hoài Cát-thiên.
Người xưa xa khuất cửu nguyên,
Thương ôi, chia nhớ giải phiền cùng ai!

Hải-am, Trần-văn-Giáp
(Bắc-cổ, HÀ-NỘI)

CUỘC THI

Thơ, bài hát và truyện ngắn do Hội « Truyền bá học Quốc Ngữ » tổ - chức

(Bản-chí tiếp được bài này của H.T B.H Q N. nhờ đăng)

Mục đích : Cuộc thi này cốt để cho học trò của Hội, sau khi biết đọc và biết viết, có những bài hát hay mà hát, những bài thơ và những truyện bổ ích mà đọc. Cũng có mục đích làm cho nhiều người biết đến và hiểu rõ công việc của Hội. Cuộc thi mở cho tất cả mọi người, ai dự cũng được.

Các bài dự thi : Các bài dự thi cần phải giản-dị, hợp với trình-độ hiểu biết của người mới học. Cần chú ý đến việc giáo-hóa và việc cổ-động cho Hội. Tránh những ý tứ có thể phạm đến chính-trị, tôn giáo hay một cá nhân, một đoàn thể nào.

ĐIỀU LỆ :

a) *Về bài hát* — Dùng những điệu dễ hát, vui vẻ, mạnh mẽ đã có sẵn (như những điệu hát Hướng-Đạo). Có thể đặt lấy điệu mới, cũng theo như điều - kiện trên. Nếu là điệu mới nên có bản âm-nhạc kèm theo. Cũng có thể dùng những thể thơ cũ của ta như Phong-dao, Lục bát, Tứ tự.

b) *Về thơ* — Dùng những lối thơ thông-thường của ta : Ngũ ngôn, Thất ngôn, Tràng thiên.

Những bài theo thể Ngũ ngôn và Thất ngôn không dài quá bốn bài (mỗi bài tám câu).

Những bài theo thể Tràng thiên không giài quá nam mươi câu

Có thể kể những truyện cổ tích hoặc sử-ký hay, và có ý nghĩa

c) *Về truyện ngắn* — (Xem đoạn « các bài dự thi »). Không giài quá mười trang giấy học trò.

Bài dự thi viết trên giấy học trò và viết một mặt. Một người có thể viết nhiều bài, nhưng mỗi bài viết riêng ra một tờ, ký bằng tên hiệu Tên thật, tên hiệu và chỗ ở lại viết riêng ra một miếng giấy cho vào phong bì dán kín, kèm với bài dự thi.

Những bài dự thi, dù được giải thưởng hay không, cũng không gửi lại tác giả Các tác-giả vẫn có quyền sở-hữu về những bài mình viết Hội T. B. H. Q. N. có quyền đăng những bài dự-thi ấy lên các báo hoặc in thành sách cho học trò của Hội dùng. (Những sách này không bán ra ngoài).

Phần thưởng : Hội lập ba giải thưởng cho ba loại. Mỗi giải thưởng chia làm năm phần :

Phần thưởng thứ nhất : Một thứ đồ vật đáng giá 30p00

Phần thưởng thứ nhì Một thứ đồ vật đáng giá 20p00

Phần thưởng thứ ba : Một thứ đồ vật đáng giá 15p00

Phần thưởng thứ tư : Một thứ đồ vật đáng giá 10p00

Phần thưởng thứ năm : Một thứ đồ vật đáng giá 5p00

Những giải thưởng này sẽ do các nhà hảo-tâm tặng và sẽ công bố lên báo sau.

Hội đồng chấm thi : Hội đồng chấm thi do Ban Trị Sự hội T. B. H Q. N lập, hợp tác với các nhà văn, nhà thơ và nhạc-sĩ có thực tài và thực học mà Hội sẽ mời đến dự chấm.

Kết quả cuộc thi : Hai tháng sau khi hết hạn nộp bài dự thi, sẽ tuyên bố kết quả Ngày tuyên bố dự định vào 1er Janvier 1942, trong một buổi họp mặt thân mật.

Hạn nộp bài dự thi đến ngày 31 Octobre 1941, hồi 18 giờ là hết.

Bài dự thi xin gửi về địa chỉ Hội Truyền Bá Học Quốc Ngữ 59 Phố Hàng Quạt (Hanoi Nhớ đề ngoài phong bì : « Cuộc thi văn chương H T. B H. Q N »

Hội trân trọng mời tất cả các nhà văn, nhà thơ và nhạc sĩ trong nước dự vào cuộc thi này để góp một phần vào việc gây một tủ sách bình dân và giúp hội đạt mục đích chống nạn thất học

H T.B.H.Q.N. lai-cảo

Đón coi :

Thành Thăng Long với cuộc đổi thay

của **Trần huy-Ba.**

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CAC MẦU
RẤT HỢP THỜI TRANG

Mua buôn, xin hỏi hãng dệt .

PHUC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N°: 974